

MASAN
GROUP



VIỆT NAM HÔM NAY VỚI TẦM VÓC MAI SAU

Báo cáo thường niên 2010

MASAN GROUP HÔM NAY

- Vốn hóa thị trường khoảng 2 tỷ đô la Mỹ
- Công ty niêm yết lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân và lớn thứ 3 ở Việt Nam¹

CHÂN DUNG MASAN GROUP

Là một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, Masan Group chúng tôi hoạt động tập trung vào xây dựng những doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành mà chúng tôi muốn thống lĩnh lâu dài. Tinh thần “nghĩ phải làm, làm phải được” và cam kết mang lại giá trị cho cổ đông đã giúp công ty Masan Consumer (tiền thân là Masan Food), ngân hàng Techcombank và công ty Masan Resources phát triển thành những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, dịch vụ tài chính và khai thác tài nguyên.



87%²

- Một trong những công ty hàng tiêu dùng đạt doanh thu lớn nhất Việt Nam
- Dẫn đầu thị trường trong ngành hàng nước chấm và đứng thứ 2 trong ngành hàng mì ăn liền⁵
- Mạng lưới phân phối mở rộng đến 140 nghìn điểm bán lẻ
- Doanh thu thuần năm 2010: 5.586 tỷ đồng
- EBITDA năm 2010: 1.425 tỷ đồng



TECHCOMBANK
31%³

- Ngân hàng tư nhân lớn thứ 3 tại Việt Nam⁶ với đơn vị đối tác chiến lược là HSBC
- Phục vụ 1.3 triệu khách hàng thuộc khối bán lẻ và 45 nghìn khách hàng thuộc khối doanh nghiệp
- Nắm giữ vị thế dẫn đầu trong việc huy động tiền gửi từ khối bán lẻ
- Mạng lưới trên toàn quốc với 282 chi nhánh và 1.021 máy ATM
- Tổng giá trị tài sản năm 2010: đạt 150.219 tỷ đồng
- Lợi nhuận thuần năm 2010: đạt 2.073 tỷ đồng

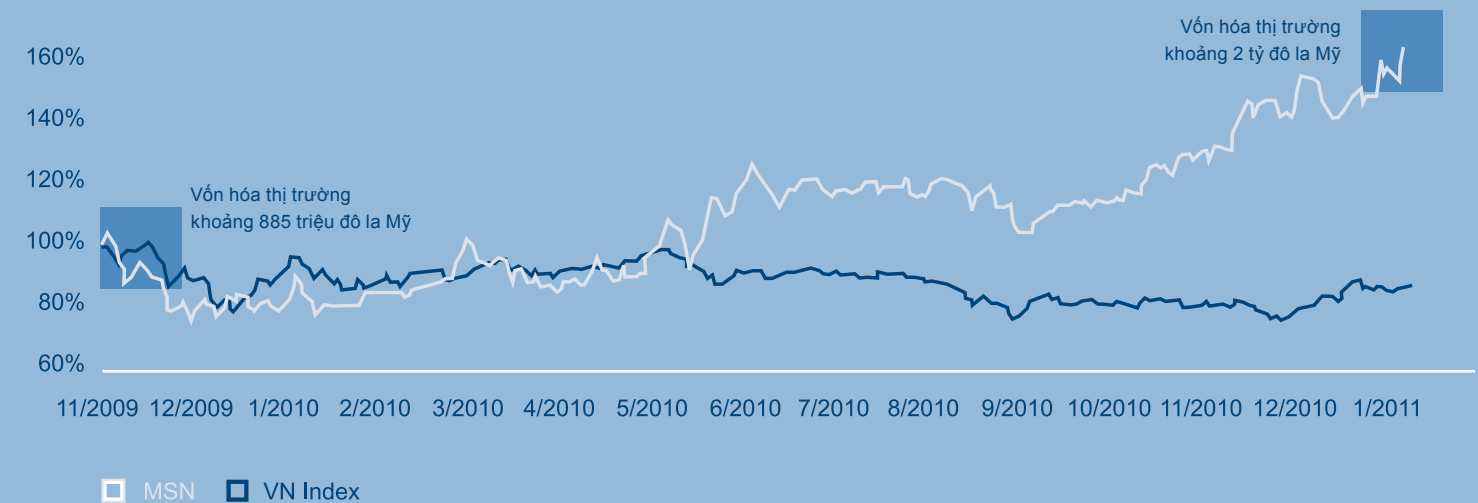


80%⁴

- Sở hữu 100% dự án Núi Pháo, vốn là một mỏ đa kim gồm vonfram, florit, bismut và đồng
- Núi Pháo là một trong những mỏ có trữ lượng vonfram và florit cao nhất thế giới
- Thời gian dự kiến đi vào sản xuất: khoảng cuối năm 2012 hoặc đầu năm 2013
- Doanh thu hàng năm dự kiến trong giai đoạn hoạt động ổn định: hơn 400 triệu USD
- EBITDA hàng năm dự kiến trong giai đoạn hoạt động ổn định: khoảng từ 250 triệu đến 300 triệu USD

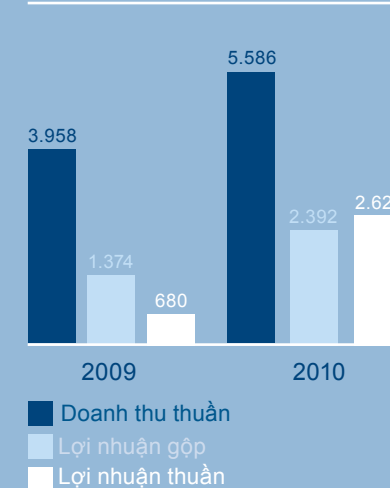
1 Vốn hóa thị trường ngày 31/12/2010 (546 triệu cổ phiếu của Masan Group, với giá định trái phiếu có thể chuyển đổi TPG đã được chuyển đổi); Với tỉ giá chuyển đổi là 1USD = 21.000đ; Khu vực kinh tế tư nhân được định nghĩa là những công ty mà nhà nước không nắm cổ phần chi phối hoặc không có nguồn gốc là doanh nghiệp nhà nước.
2 Số liệu được lập vào ngày 31/12/2010.
3 Vào ngày biên soạn tài liệu này, 31% lợi ích kinh tế bao gồm quyền sở hữu một phần của Masan Group đối với đợt phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu của Techcombank vào tháng 12/2010.
4 Bao gồm quyền chọn mua của Masan Group đối với 20% lợi ích kinh tế của Dragon Capital trong Masan Resources.
5 Nguồn: Nielsen
6 So sánh với các ngân hàng thương mại cổ phần về giá trị tổng tài sản.

TÌNH HÌNH GIÁ CỔ PHIẾU MASAN GROUP TỪ KHI NIÊM YẾT⁷



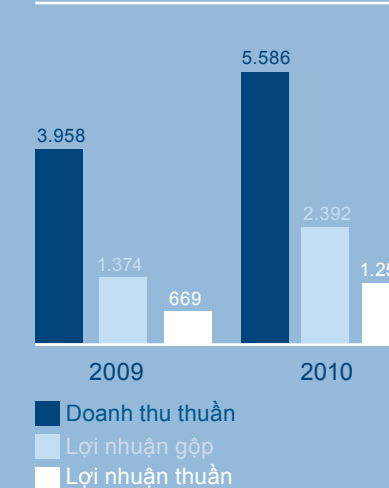
MASAN GROUP KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng



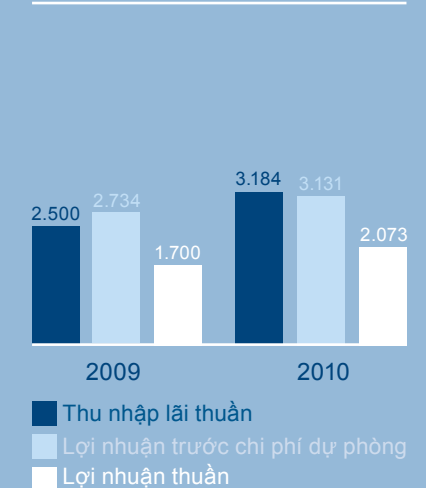
MASAN CONSUMER KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng



TECHCOMBANK KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng



7 Nguồn: Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; 546 triệu cổ phiếu của Masan Group, với giá định trái phiếu có thể chuyển đổi TPG đã được chuyển đổi; Với tỉ giá chuyển đổi là 1USD = 21.000đ.

Quản lý rủi ro &
Phân bổ nguồn vốn

Tiếp cận &
Thực thi địa phương

Quản lý
chuyên nghiệp &
Đối tác danh tiếng

MỤC LỤC

- 4 Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 12 Tầm nhìn & Chiến lược
- 14 Chân dung Masan Group
- 22 Masan Consumer
- 30 Techcombank
- 38 Masan Resources
- 49 Báo cáo của Ban Điều hành
- 61 Báo cáo Tài chính
- 133 Thông tin Doanh nghiệp

VIỆT NAM
HÔM NAY
VỚI TẦM VÓC
MAI SAU





THƯ' NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG,

Năm 2010 là một năm đầy thành công với nhiều sự chuyển mình to lớn của Masan Group. Chúng ta đã có nhiều hoạt động nổi trội hơn so với các công ty cùng ngành và thị trường tổng thể với nhiều chiến lược chặt chẽ trong việc lựa chọn lĩnh vực hoạt động cũng như phương thức để gặt hái thành công. Kết quả là chúng ta đã tạo dựng được một nền tảng kinh doanh tốt nhất với ba công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động tương ứng, cụ thể là công ty Masan Consumer (trước đây là Masan Food), ngân hàng Techcombank và công ty Masan Resources.

Thành công của chúng ta trong năm 2010 còn thể hiện ở sự đột phá của giá cổ phiếu trên thị trường, tăng từ 34.200đ vào thời điểm cuối năm 2009 lên 75.000đ vào cuối năm 2010. Chúng ta hiện đang là công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam tính theo mức vốn hóa thị trường¹ với thành tích đã được chứng thực là mang lại giá trị vượt trội cho các cổ đông.

Năm 2010 là một năm đầy thử thách cho nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Đất nước vẫn tiếp tục với cuộc chiến dai dẳng chống lại tình trạng lạm phát cao, vấn đề tiền tệ mất giá và viễn cảnh bi quan của đánh giá tín dụng. Năm qua còn là một năm đặc biệt thách thức cho khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, khi nhiều công ty trong nước gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn dài hạn để tăng trưởng và đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ trong kết quả tài chính. Trong môi trường ấy, Masan Group vẫn thể hiện kết quả vượt trội trên nhiều mặt trận.

Nhân đây, tôi cũng muốn điểm lại một số sự kiện nổi bật của Masan Group trong năm 2010 vừa qua:

- Tháng 5/2010, Công ty Tài chính Quốc tế IFC, một thành viên của Ngân hàng Thế giới, đã hỗ trợ cho Masan Group một khoản vay 40 triệu USD, thời hạn 6 năm, có thể chuyển đổi một phần;

- Và cũng trong cùng tháng 5/2010, các công ty và các quỹ thuộc sở hữu và/hoặc quản lý của Dragon Capital, một quỹ đầu tư tập trung đặc biệt vào Việt Nam, thông báo việc ký kết một thỏa thuận chính thức để nhượng lại quyền sở hữu của họ trong Công ty Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo cho Masan Resources, một công ty mới thành lập của Masan Group;
- Tháng 7/2010, ngân hàng Techcombank được Euromoney trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2010";
- Tháng 10/2010, Hệ thống Thông tin Quản lý (MIS) đã được triển khai trong toàn công ty để cải thiện năng lực báo cáo, quản lý rủi ro và phân tích kinh doanh của chúng ta;
- Trong cùng tháng 10/2010, Masan Group đã thực hiện thành công một thỏa thuận chào bán riêng lẻ cho Orchid Fund, một quỹ đầu tư thuộc quyền sở hữu toàn phần của R.F. Chandler;
- Tháng 11/2010, Goldman Sachs đầu tư 30 triệu USD vào Masan Group thông qua một khoản vay chuyển đổi có thời hạn 5 năm;
- Tháng 12/2010, Masan Group đã gia tăng lợi ích kinh tế trong công ty Masan Consumer (trước đây là Masan Food) từ 72,8% lên 86,56%, và trong ngân hàng Techcombank từ 19,99% lên 28,94%²;
- Trong cùng tháng 12/2010, Mount Kellett đã ký thỏa thuận chính thức đầu tư 100 triệu USD vào Masan Resources để đổi lấy quyền sở hữu 20.0%, và Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã ký thỏa thuận để cung cấp cho dự án Núi Pháo hạn mức tín dụng 2.377 tỷ đồng;
- Và cũng trong tháng 12/2010, Masan Group bắt đầu tái cấu trúc Masan Food thành Masan Consumer, tạo ra một nền tảng hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) có quy mô lớn để gia nhập vào các ngành hàng tiêu dùng khác.

1 Vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2010 (546 triệu cổ phiếu của Masan Group, với giá định giá trái phiếu có thể chuyển đổi TPG đã được chuyển đổi); Với tỉ giá chuyển đổi là 1USD = 21.000đ; Khu vực kinh tế tư nhân được định nghĩa là những công ty mà nhà nước không nắm cổ phần chi phối hoặc không có nguồn gốc là doanh nghiệp nhà nước.

2 Tính đến ngày của tài liệu này thì Masan Group đã tăng lợi ích kinh tế ở Techcombank lên 30.84% bằng việc mua thêm trái phiếu chuyển đổi của Techcombank.

Đặc biệt, tôi muốn nhấn mạnh việc mua lại Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, nay được tái cấu trúc và đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Đây là thương vụ mua bán và sát nhập doanh nghiệp thành công lớn nhất trong năm 2010 tại Việt Nam và cũng đã được đưa vào danh sách đề cử giải thưởng “Thương vụ tái cấu trúc trong năm” tại Châu Á của tạp chí International Finance Law Review (IFLR) nhờ cấu trúc giao dịch hết sức sáng tạo: hoàn toàn không dùng tiền mặt. Ngoài khả năng thỏa thuận các điều khoản và hoàn thành giao dịch, quan trọng hơn, ở dự án này, Masan Group đã thể hiện thành công khả năng vượt trội của mình trong nền tảng xây dựng doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Trong khoảng sáu tháng, Masan Group đã có thể giảm thiểu đáng kể các nguy cơ gắn liền với dự án bằng cách tuyển dụng một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp mới với nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển các dự án khai thác tài nguyên với quy mô lớn tại Châu Á, đẩy nhanh quá trình đền bù và tái định cư, điều chỉnh các giấy phép quan trọng và sắp xếp sự đảm bảo tài chính cho dự án Núi Pháo. Giờ đây, tôi tự tin tuyên bố rằng Masan Resources đang đi đúng hướng để trở thành một trong những công ty khai thác tài nguyên lớn nhất tại Việt Nam khi bắt đầu sản xuất.

Ngoài thương vụ Núi Pháo, Masan Group đã gia tăng lợi ích kinh tế của mình trong các doanh nghiệp hiện hữu là Masan Consumer và ngân hàng Techcombank. Đây chính là minh chứng cho niềm tin vững chắc của chúng tôi vào các doanh nghiệp hoạt động hiện hành cũng như tiềm năng tăng trưởng của họ.

Về tình hình tài chính, tất cả các doanh nghiệp Masan Group sở hữu đều đạt được tăng trưởng. Nhờ sự gia tăng thị phần trong các lĩnh vực hoạt động chính, doanh thu thuần của chúng ta đã tăng lên mức 5.586 tỷ đồng trong năm 2010 so với mức 3.958 tỷ đồng trong năm 2009, tương ứng với tỉ lệ tăng là 41,1%. Tính trên cơ sở hợp nhất, lợi nhuận thuần sau thuế của chúng ta trong năm 2010 đã tăng lên 2.629 tỷ đồng so với 680 tỷ đồng

trong năm 2009, tăng 286,9%. Nếu không tính đến khoản bất lợi thương mại liên quan đến thương vụ mua lại dự án Núi Pháo và điều chỉnh tỉ lệ sở hữu cuối năm của chúng ta trong các công ty con và công ty liên kết cùng thời điểm so sánh, lợi nhuận thuần sau thuế pro forma năm 2010 của chúng ta đạt 1.829 tỷ đồng từ mức 1.124 tỷ đồng của năm 2009, tương ứng với tỉ lệ tăng là 62,8%. Lợi nhuận thuần năm 2010 của Masan Consumer, là 1.253 tỷ đồng, và của ngân hàng Techcombank là 2.073 tỷ đồng, tăng lần lượt là 87,4% và 21,9% so với năm 2009. Trên thị trường huy động vốn đầy thách thức như chúng ta đã thấy, Masan Group vẫn duy động thành công một lượng vốn đáng kể từ các nhà đầu tư nước ngoài có danh tiếng như Công ty Tài chính Quốc tế IFC, Goldman Sachs và Mount Kellett. Vốn chủ sở hữu của chúng ta đã tăng từ 4.762 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009 lên 10.624 tỷ đồng vào ngày 31/12/2010.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền ³ (tỷ đồng)	3.885
Tổng nợ ⁴ (tỷ đồng)	3.269
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	10.624
Tổng tài sản (tỷ đồng)	21.130

Về tình hình hoạt động kinh doanh, Masan Group đã tăng cường thêm đội ngũ quản lý với những gương mặt nòng cốt. Công ty đã bổ sung vào bộ phận kế toán tài chính một số chuyên viên có kinh nghiệm từ nhóm bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới. Đội ngũ Pháp lý và Phát triển Kinh doanh cũng được mở rộng để hỗ trợ sự tăng trưởng trong hoạt động của công ty. Tôi cũng tự hào thông báo rằng Masan Group đã triển khai thành công Hệ thống Thông tin Quản lý và chế độ báo cáo mới trong toàn Masan Group, giúp cho việc phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp do chúng ta sở hữu đều đặn hơn. Nhìn chung, năng lực thực thi và quản lý rủi ro của chúng ta đã được tăng cường nhờ sự đầu tư vào nhân tài và cơ sở hạ tầng doanh nghiệp.

Tuy chưa có sự chắc chắn về tính bền vững của sự hồi phục kinh tế toàn cầu và của tình hình kinh tế vĩ mô hiện tại của Việt Nam, nhưng bức tranh tăng trưởng của Việt Nam vẫn còn đầy tiềm năng và triển vọng. Thị trường Việt Nam vẫn còn nhiều bỏ ngổ và tiềm năng vẫn chưa được khai thác đúng mức mang lại nhiều lý do để chúng ta lạc quan và tin tưởng hơn. Ngoài ra, Masan Group đã được định vị rất thuận lợi để nắm bắt một phần đáng kể sự tăng trưởng của Việt Nam trong vai trò là một công ty dẫn đầu thị trường có quy mô lớn với nền tảng xây dựng kinh doanh không có đối thủ cạnh tranh. Với tinh thần “nghĩ phải làm, làm phải được” và “làm ít nhưng hết sức tập trung và hiệu quả”, các doanh nghiệp hiện hữu của chúng ta có thể tiếp tục đạt được mức tăng trưởng 30 - 50% lợi nhuận thuần trong năm 2011.

Cuối thư, tôi mong muốn bày tỏ sự biết ơn sâu sắc đến toàn thể khách hàng, nhân viên, đối tác và các bên có liên quan khác, những người đã hỗ trợ hết mình cho sự thành công của Masan Group trong năm qua. Vì khả năng tạo ra lợi nhuận vượt trội và quản lý rủi ro của chúng ta dựa trên mô hình quan hệ đối tác trong đó tất cả mọi người cùng chung tay góp sức và cùng thắng

lợi. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị và tôi cũng hân hạnh chào đón những đối tác mới nhất của Masan Group. Chúng tôi mong muốn được hợp tác với tất cả các đối tác để cùng gặt hái thêm nhiều thành tựu trong năm 2011 này.

Chân thành cảm ơn,
Thành phố Hồ Chí Minh,
Ngày 10 tháng 4 năm 2011



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHỌN LỌC NĂM 2010

Kết quả hoạt động kinh doanh	Kiểm toán	Pro forma ⁵
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.586	5.586
Tỉ lệ tăng trưởng doanh thu thuần	41,1%	41,1%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2.629	1.829
Tỉ lệ tăng trưởng lợi nhuận thuần	286,9%	62,8%

3 Bao gồm tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn.

4 Tổng nợ bao gồm khoản vay ngắn và dài hạn, không bao gồm khoản kỳ phiếu. Khoản kỳ phiếu có giá trị 2.856 tỷ đồng sẽ không còn giá trị nếu quyền chọn mua cổ phần Masan Group được thực hiện với việc chi trả bằng tiền mặt. Quyền chọn là một phần trong giao dịch mua dự án Núi Pháo. Tại ngày 31/12/2010, quyền chọn này có giá trị dương.

5 Pro forma, dù không phải là số liệu được kiểm toán, là kết quả dựa trên những số liệu đã được kiểm toán, và được điều chỉnh để thể hiện kết quả hoạt động ổn định và so sánh được qua nhiều giai đoạn. Những điều chỉnh này bao gồm việc giả định tỉ lệ lợi ích kinh tế của Masan Group đối với các công ty con và công ty liên kết vào cuối năm 2009 giống như tỉ lệ của năm 2010, đồng thời cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái cấu trúc sở hữu của Masan Group ở Techcombank và loại trừ khoản bất lợi thương mại liên quan đến giao dịch mua bán, sáp nhập dự án Núi Pháo.



TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Lò hơi chạy bằng khí nén tự nhiên (CNG) đạt tiêu chuẩn quốc tế, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng tại nhà máy của Masan Consumer



LÀM LÀ ĐƯỢC



TÀM NHÌN & CHIẾN LƯỢC

Tầm nhìn và chiến lược của chúng tôi luôn gắn liền với quan điểm của chúng tôi về bức tranh tăng trưởng của Việt Nam và những thách thức về kinh tế vĩ mô và cấu trúc kinh tế của đất nước. Khi Việt Nam đã thật sự hội nhập với thế giới, đất nước sẽ nhanh chóng chuyển mình. Những ngành chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức sẽ phát triển, dòng vốn sẽ tự động chảy vào; tài năng chuyên môn sẽ có cơ hội nở rộ; và môi trường cạnh tranh sẽ phát triển với sự tham gia ngày một mạnh hơn và rộng lớn hơn của các tổ chức nước ngoài.

Tầm nhìn của chúng tôi là vươn đến một công ty dẫn đầu trong khu vực kinh tế tư nhân, không chỉ chung tay góp sức và hưởng lợi từ sự chuyển mình này mà còn giúp quản lý các rủi ro cũng như những biến động của đất nước. Thông qua chiến lược lựa chọn ngành hoạt động và chiến lược thực thi mang tính kỷ luật cao, chúng tôi hướng đến việc trở thành một “trái phiếu chuyển đổi” trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, đối tác và các tài năng đang tìm cách tiếp cận và hòa mình vào sự tăng trưởng của Việt Nam.

Chiến lược chọn ngành hoạt động của chúng tôi nhắm đến việc tham gia vào các ngành, lĩnh vực có khả năng mở rộng quy mô, với lộ trình tăng trưởng quy mô rõ ràng, thu được lượng tiền mặt dồi dào. Chúng tôi tin tưởng vào hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh trong các ngành, lĩnh vực mà một công ty trong nước thuộc khu vực kinh tế tư nhân có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước và các công ty đa quốc gia. Điều này có nghĩa là chúng tôi sẽ tham gia vào các lĩnh vực ít có sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước cũng như các lĩnh vực có nhiều rào cản lập quy và cơ cấu đối với các công ty đa quốc gia. Hơn nữa, khi Việt Nam hoàn toàn hội nhập với thế giới, chúng tôi tin rằng chỉ có các doanh nghiệp trong nước thuộc khu vực kinh tế tư nhân với quy mô lớn và vị thế dẫn đầu thị trường mới đủ sức để cạnh tranh về lâu về dài. Nhờ quy mô tầm cỡ, chúng tôi có thể giải quyết tốt những thách thức đối với doanh nghiệp trong nước thuộc khu vực kinh tế tư nhân như khả năng tiếp cận vốn, tuyển

dụng nhân tài và năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước và các công ty đa quốc gia.

Chiến lược thực thi của chúng tôi chủ yếu tập trung vào một vài dự án nhưng chú ý vận hành thật tốt và hiệu quả để đạt được vị thế dẫn đầu trên thị trường. Hoạt động thực thi được dựa trên “Phương thức Masan”, một mô hình quan hệ đối tác riêng biệt trong đó các bên liên quan hợp tác bình đẳng và phát huy sức mạnh của mình để triển khai hoạt động xây dựng doanh nghiệp có quy mô lớn. Ở Masan Group, chúng tôi tin tưởng vào giá trị của: 1) Khả năng quản lý rủi ro và điều phối vốn chặt chẽ, 2) Năng lực tiếp cận và thực thi địa phương, và 3) Đội ngũ quản lý chuyên nghiệp bao gồm các nhà điều hành dày dạn kinh nghiệm trong ngành được hỗ trợ bởi các đối tác chiến lược của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng sự tương hỗ giữa ba thành phần trên trong nền tảng thực thi của chúng tôi là một cách tiếp cận độc đáo và đã được kiểm chứng đối với hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh thành công trong các thị trường mới nổi và chưa được khai phá.

Mục tiêu tài chính của chúng tôi là đạt mức vốn hóa thị trường tương đương 5% GDP của Việt Nam và lưu lượng tiền mặt hợp nhất đạt 500 triệu USD trong 3 năm tới.

Thông qua một quá trình chuyển đổi và phát triển, hiện nay chúng tôi đang sở hữu một nền tảng quốc tế về quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn với ba doanh nghiệp kinh doanh dẫn đầu thị trường. Hơn nữa, chúng tôi còn có khả năng tài chính linh hoạt nhờ vào đòn bẩy tài chính thấp, nguồn tài chính huy động dài hạn và lưu lượng tiền mặt dồi dào.

Masan Group đã sẵn sàng củng cố vị trí của mình để trở thành công ty hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam trong những năm tới, nhờ kết hợp tăng trưởng hữu cơ và hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

Ông Madhur Maini hiện là Tổng giám đốc Điều hành của Masan Group, đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Group, Masan Consumer và Techcombank. Trước khi gia nhập Masan Group, ông Madhur đã có 14 năm kinh nghiệm xây dựng doanh nghiệp tại các ngân hàng Merrill Lynch và Deutsche Bank, chủ yếu ở châu Á. Ông Madhur tốt nghiệp trường Đại học Pennsylvania của Mỹ với hai bằng cử nhân Khoa học ứng dụng và Tài chính.

CHÂN DUNG MASAN GROUP

Là một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, Masan Group chúng tôi hoạt động tập trung vào xây dựng những doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành hàng mà chúng tôi muốn thống lĩnh lâu dài. Với tinh thần “nghĩ phải làm, làm phải được” và cam kết mang lại giá trị cho cổ đông đã giúp công ty Masan Consumer, ngân hàng Techcombank và công ty Masan Resources phát triển thành những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, dịch vụ tài chính và khai thác tài nguyên.

Quản lý rủi ro & Phân bổ nguồn vốn

Tiếp cận & Thực thi địa phương

Quản lý chuyên nghiệp & Đối tác danh tiếng

Cùng hợp tác trên Tinh thần Doanh nhân

CHIẾN LƯỢC THỰC THI – PHƯƠNG THỨC MASAN

Chúng tôi hoạt động theo một mô hình quan hệ đối tác độc đáo, được gọi là “Phương thức Masan”. Trong đó các bên có liên quan của Masan Group hợp tác bình đẳng và phát huy sức mạnh của mình để thực thi các hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh có quy mô lớn. Các bên có liên quan này được phân chia thành các nhóm sau:

- Nhóm quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn – Nhóm này hoạt động như một hệ thống quản lý đầu tư, đề cao tính tập trung, việc quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn tối ưu nhằm phát triển những nền tảng xây dựng kinh doanh với quy mô lớn;

- Nhóm tiếp cận và thực thi địa phương – Nhóm này sở hữu khả năng tìm kiếm và triển khai các cơ hội kinh doanh, đồng thời vẫn quản lý hiệu quả những rủi ro địa phương;
- Nhóm quản lý chuyên nghiệp – Nhóm này bao gồm những chuyên gia trong nước và quốc tế có nhiều kinh nghiệm và là những nhà điều hành hàng đầu, được hỗ trợ bởi các đối tác chiến lược danh tiếng.

Các nhóm này cùng làm việc và kết hợp lại với nhau trên tinh thần doanh nhân và tôn trọng lẫn nhau để tạo ra nền tảng thực thi của Masan Group. Chúng tôi tin rằng đây là một phương thức độc đáo, riêng biệt đem lại thành công trong các thị trường mới nổi và chưa được khai phá.

Đầu tư vào nhân tài

Trong toàn hệ thống Masan Group, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào việc thu hút, tuyển dụng, phát triển và nắm giữ nhân tài trong nước lẫn quốc tế. Chính sách nhân sự này nằm trong mô hình đối tác của Masan Group. Trong đó, chúng tôi tăng cường động viên đội ngũ chuyên viên và quản lý bằng các cơ hội sở hữu cổ phần, chia đều lợi ích và đón nhận họ như những đối tác thực thụ của chúng tôi.

Phân bổ nguồn vốn chặt chẽ

Chính sách phân bổ nguồn vốn chặt chẽ là chiến lược quản lý rủi ro và cũng là chiến lược thực thi của Masan Group chúng tôi. Trong 2 năm qua, Masan Group đã trở thành công ty trong nước thành công nhất trong khu vực kinh tế tư nhân về mặt huy động vốn dài hạn để hỗ trợ cho sự tăng trưởng của chính mình. Chỉ riêng năm 2010, chúng tôi đã huy động

được lượng tiền mặt hơn 220 triệu USD dưới các hình thức vốn cổ phần và công cụ liên kết với vốn cổ phần từ các nhà đầu tư toàn cầu có uy tín. Trong thị trường người mua thống lĩnh, chúng tôi sử dụng lượng tiền mặt hết sức chặt chẽ, ưu tiên các hoạt động đầu tư gia tăng tỉ lệ góp vốn sở hữu trong các doanh nghiệp nền tảng của chúng tôi. Bên cạnh đó, chúng tôi đã không phải sử dụng đến tiền mặt trong thương vụ mua lại dự án Núi Pháo. Masan Group hoạt động dựa trên chính sách cân đối tài chính vững chắc và đòn bẩy tài chính thấp.

Quản lý rủi ro

Nền tảng trong việc quản lý rủi ro của Masan Group chúng tôi được xây dựng dựa trên những áp dụng kinh doanh thực tiễn tốt nhất, kinh doanh có tập trung, hay nói cụ thể hơn là tập trung vào một vài lĩnh vực mũi nhọn để giành ưu thế, thiết lập hệ thống báo cáo và năng lực phân tích kinh doanh mạnh mẽ. Mô hình quản trị của chúng tôi dựa vào các mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với các đối tác chiến lược có danh tiếng ở tất cả các cấp trong toàn hệ thống Masan Group.

2010 - NĂM PHÁT HUY THÀNH TÍCH VỀ THỰC THI

Trong năm 2010, Masan Group chúng tôi đã đạt được một số thành công như huy động được một nguồn vốn đáng kể, triển khai các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, phát triển các hoạt động kinh doanh, và đạt được mức tăng trưởng trong các kết quả tài chính.

NGÀNH TRỌNG ĐIỂM

Trọng tâm đầu tư và phát triển ngành hoạt động của Masan Group được định hướng bởi những cơ hội và thách thức dành cho các công ty trong nước trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Chúng tôi tin vào bức tranh tăng trưởng của Việt Nam, vốn là một thị trường mới phát triển với nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Tuy nhiên, ngoài sự bất ổn trong nền kinh tế vĩ mô, Việt Nam còn đặt ra nhiều thách thức mang tính cơ cấu đối với các công ty trong nước hoạt động trong khu vực kinh tế tư nhân như việc tiếp cận nguồn vốn dài hạn, số lượng nhân tài hạn chế, và thị trường vẫn còn bị chi phối lớn bởi các doanh nghiệp nhà nước và các công ty đa quốc gia.

Giải pháp của chúng tôi đối với những thách thức này đơn giản chỉ gói gọn trong: quy mô và vị thế dẫn đầu. Chính nhờ vị thế dẫn đầu thị trường về quy mô, Masan Group đã có thể huy động vốn, thu hút những nhân tài giỏi nhất trong nước và quốc tế, đồng thời duy trì năng lực cạnh tranh dài hạn. Chiến lược này áp dụng trong toàn hệ thống công ty từ công ty mẹ đến các công ty con và công ty liên kết.

Để phát triển quy mô và vị thế dẫn đầu, chiến lược ngành của chúng tôi tập trung vào:

- Ngành tiềm năng có quy mô lớn với lộ trình rõ ràng để đạt được ưu thế;
- Những lĩnh vực mà các doanh nghiệp nhà nước ít tham gia hoặc không có tính cạnh tranh cao, hoặc lĩnh vực mà

các công ty đa quốc gia gặp bất lợi do rào cản về cơ cấu;

- Những lĩnh vực có lưu lượng tiền mặt bền vững, chủ yếu dựa vào hoạt động kinh doanh, chứ không dựa vào việc mua bán tài sản;
- Những ngành có cùng chu kỳ kinh tế phù hợp với khả năng của chúng tôi trong việc phát triển vị thế dẫn đầu và quy mô so với đối thủ cạnh tranh.

Các ngành hàng tiêu dùng, dịch vụ tài chính và tài nguyên phù hợp với trọng tâm đầu tư và phát triển ngành của chúng tôi.

Trên cơ sở hợp nhất, Masan Group là một trong những công ty trong nước thuộc khu vực kinh tế tư nhân, có khả năng huy động vốn cổ phần và vốn gắn liền với cổ phần ở Việt Nam năng động và hiệu quả nhất. Tổng cộng, chúng tôi đã huy động được một lượng tiền mặt đến hơn 220 triệu USD từ Công ty Tài chính Quốc tế IFC, Goldman Sachs, Mount Kellett, và các nhà đầu tư toàn cầu có uy tín khác. Ngoài ra, ngân hàng Techcombank cũng đã huy động tăng vốn được xấp xỉ 3.000 tỷ đồng thông qua một đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi.

Đặc biệt, Masan Group đã hoàn thành thương vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp lớn nhất trong năm 2010 với việc mua lại dự án Núi Pháo thông qua Masan Resources, một công ty con của Masan Group mới được thành lập. Ngoài ra, Masan Group chúng tôi cũng đã tăng lợi ích kinh tế của mình trong công ty Masan Consumer (trước đây là Masan Food) và ngân hàng Techcombank; từ đó gia tăng lợi ích kinh tế và củng cố tỉ lệ sở hữu cổ phần trong các thực thể kinh doanh của mình.

Hơn nữa, trong năm 2010, chúng tôi cũng đã đầu tư rất nhiều vào việc phát triển cơ cấu vận hành của các công ty con để cải thiện chiến lược quản lý rủi ro và đội ngũ quản lý. Trong tháng 10, chúng tôi đã triển khai Hệ Thống Thông Tin Quản Lý trong toàn Masan Group, cho phép thu thập nhiều thông tin được chuẩn hóa hơn và nâng cao năng lực phân tích kinh doanh nhằm hỗ trợ cho các hoạt động quản lý rủi ro và cung cấp thông tin cho quá trình

ra quyết định. Suốt năm vừa qua, nhiều chuyên viên từ các công ty tài chính, pháp lý, kiểm toán hàng đầu trên thế giới và các nhà quản lý kinh doanh dày dặn kinh nghiệm đã gia nhập công ty như đã chứng thực cho cả danh tiếng của Masan Group cũng như chiến lược lấy nguồn nhân sự làm trọng tâm của chúng tôi. Đáng chú ý nhất, chúng tôi đã tuyển một đội ngũ lãnh đạo mới cho Masan Resources. Trong đó đứng đầu là ông Dominic Heaton, một nhà quản lý khai thác khoáng sản với hơn 20 năm kinh nghiệm; ông gia nhập với chúng tôi vào khoảng nửa cuối năm 2010 và đã tạo dựng được một đội ngũ với nhiều kinh nghiệm đa quốc gia và một bề dày thành tích trong việc hoàn thành các dự án phức tạp ở Châu Á.

Về mặt tài chính, Masan Group đã đạt được mức tăng trưởng doanh thu thuần là 41,1%, tăng từ 3.958 tỷ đồng trong năm 2009 lên 5.586 tỷ đồng trong năm 2010. Lợi nhuận thuần hợp nhất tăng từ 680 tỷ đồng trong năm 2009 lên 2.629 tỷ đồng trong năm 2010, tương ứng với mức gia tăng hàng năm là 286,9%. Vốn chủ sở hữu hợp nhất tăng từ 4.762 tỷ đồng trong năm 2009 lên 10.624 tỷ đồng trong năm 2010, đạt mức gia tăng hàng năm là 123,1%.

Những thành tích của Masan Group chúng tôi trong năm 2010 vừa qua đã được thị trường công nhận, thể hiện qua mức tăng giá cổ phiếu lên 119% trong cùng kỳ.



Tại Masan Group, chúng tôi tin tưởng hoàn toàn vào việc thu hút, tuyển dụng, phát triển và giữ chân nhân tài ở mọi cấp tổ chức đến từ trong nước cũng như quốc tế.

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP



Ông Nguyễn Thiều Nam

Phó tổng giám đốc Điều hành, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Ông Thiều Nam phụ trách thực thi và xây dựng quan hệ địa phương. Trước đây, ông từng làm việc cho Công ty Cổ phần Đa Mỹ. Ông tốt nghiệp Đại học Thương mại Hà Nội, Việt Nam.

BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Ông Michael Nguyễn

Phó giám đốc Điều hành

Trước đây, ông Michael từng làm việc cho J.P. Morgan. Ông tốt nghiệp Đại học Harvard, Cambridge, Mỹ.

Ông Preetinder S. Panjra

Phó giám đốc cao cấp

Ông Preetinder từng làm việc cho Deutsche Bank và Oracle. Ông tốt nghiệp Học viện INSEAD, Pháp, và Học viện Công nghệ Thapar, Punjab, Ấn Độ.

Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên

Phó giám đốc cao cấp

Ông Nguyên từng làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Ông Samresh Kumar

Phó giám đốc cao cấp

Trước đây, ông Samresh từng làm việc cho SUN Group, Accenture và một ngân hàng đầu tư. Ông tốt nghiệp Học viện Quản lý Ấn Độ, Calcutta và Học viện Công nghệ Ấn Độ, Delhi, Ấn Độ.

Bà Huỳnh Ngọc Hạnh

Phó giám đốc

Bà Hạnh từng làm việc cho AllianceBernstein. Bà Hạnh tốt nghiệp Đại học San Francisco, Mỹ.

Ông Danny Lê

Phó giám đốc

Ông Danny từng làm việc cho Morgan Stanley. Ông tốt nghiệp trường Bowdoin College, Maine, Mỹ.

Ông Samuel Ooi

Phó giám đốc

Trước đây, ông Samuel từng làm việc cho Macquarie Capital. Ông tốt nghiệp Trường Kinh tế London, Vương Quốc Anh.

Ông Paritosh Gupta

Chuyên viên cao cấp

Ông Paritosh từng làm việc cho Lehman Brothers. Ông tốt nghiệp Học viện Quản lý Ấn Độ, Bangalore và Học viện Công nghệ Ấn Độ, Bombay, Ấn Độ.

Bà Nguyễn Thảo Anh

Chuyên viên

Trước đây, bà Thảo Anh từng làm việc cho KPMG Corporate Finance, Singapore. Bà Thảo Anh tốt nghiệp trường Nanyang Business School, Singapore.

Ông Huỳnh Trần Vỹ

Chuyên viên phân tích cao cấp

Ông Vỹ từng làm việc cho Blackhorse Asset Management. Ông tốt nghiệp Đại học quốc gia Singapore và Đại học Bắc Carolina - Chapel Hill, Mỹ.

Ông Nguyễn Đăng Hiếu

Chuyên viên phân tích cao cấp

Ông Hiếu từng làm việc cho BNP Paribas và TIM Investment Consulting. Ông tốt nghiệp Đại học Quốc gia Singapore.

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Chuyên viên phân tích cao cấp

Trước đây, bà Hồng Vân từng làm việc cho Asset Management Consulting AG của Thụy Sĩ. Bà tốt nghiệp Học viện Ngân hàng và Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM.

Ông Đặng Văn Đức

Chuyên viên phân tích

Ông Đức từng làm việc cho Công ty Dịch vụ Kế toán Kiểm toán. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM.

BỘ PHẬN PHÁP LÝ

Ông Trần Quang Chúc

Trưởng Cố vấn pháp lý

Trước khi gia nhập Masan Group, ông Chúc từng làm việc cho Allens Arthur Robinson và YKVN Lawyers. Ông tốt nghiệp Đại học Melbourne, Úc và Đại học Luật Hà Nội.

Ông Kartick Maheshawri

Phó giám đốc

Ông Kartick từng làm việc cho AZB & Partners. Ông tốt nghiệp Đại học Luật Pennsylvania, Mỹ.

Ông Đặng Ngọc Cả

Chuyên viên pháp lý và thành viên Ban Kiểm soát

Trước đây, ông Cả từng làm việc cho Allens Arthur Robinson và Luật Việt. Ông tốt nghiệp Đại học Luật Tp.HCM.

Bà Đỗ Thị Hoàng Yến

Chuyên viên pháp lý

Bà Hoàng Yến từng làm việc cho Công ty Quản lý và Kinh doanh Nhà Tp.HCM. Bà Hoàng Yến tốt nghiệp Đại học Luật Tp.HCM.

BỘ PHẬN TÀI CHÍNH & KẾ TOÁN

Ông Eric Chan Hong Wai

Phó giám đốc Tài chính và thành viên Ban Điều hành

Trước đây, ông Eric từng làm việc cho PricewaterhouseCoopers và Ernst & Young. Ông tốt nghiệp Đại học Sunway, Malaysia.

Bà Tạ Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng và thành viên Ban Điều hành

Bà Thùy Trang từng làm việc cho công ty TUV SUD PSB Việt Nam. Bà Thùy Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Ông Nischay Saraf

Phó giám đốc

Ông Nischay từng làm việc cho PricewaterhouseCoopers. Ông tốt nghiệp Đại học Bangalore, Học viện Kế toán Công Ấn Độ.

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Chuyên viên tài chính cao cấp

Trước đây bà Thảo làm việc cho PricewaterhouseCoopers. Bà Thảo tốt nghiệp đại học Sydney, Úc.

Bà Trần Cẩm Vân

Chuyên viên tài chính

Trước khi gia nhập Masan Group, bà Vân từng làm việc cho Citigroup, Mỹ, và PricewaterhouseCoopers, Việt Nam. Bà Vân tốt nghiệp đại học Maine, Mỹ.

ĐỐI TÁC & NHÀ ĐẦU TƯ

Đối tác và nhà đầu tư của chúng tôi là những công ty danh tiếng toàn cầu. Đối với chúng tôi, họ đóng vai trò then chốt trong mô hình hoạt động của Masan Group. Các đối tác là nền tảng hỗ trợ cho các ý tưởng chiến lược của chúng tôi và trao cho chúng tôi khả năng tiếp cận cao hơn đối với các cơ hội, thông tin và những chuyên gia kinh doanh khác.



BANKINVEST

BANKINVEST

BankInvest được thành lập năm 1969 tại Đan Mạch, là một trong những quỹ quản lý tài sản lớn nhất vùng Scandinavia với tổng tài sản đang quản lý lên đến 30 tỷ USD, trong đó có 6 tỷ USD dành riêng để đầu tư vào các thị trường mới nổi.

Năm 2006, BankInvest ra mắt quỹ PENM (Quỹ đầu tư vốn tư nhân vào những thị trường mới) và hiện nay đang sở hữu hai quỹ với tổng nguồn vốn khoảng 240 triệu USD. Thông qua quỹ PENM, BankInvest cung cấp vốn cùng các kinh nghiệm quản trị cho các công ty cỡ trung có tiềm năng tăng trưởng cao. Từ năm 2007, BankInvest đã chính thức trở thành đối tác chiến lược của 14 công ty Việt Nam, trong đó có Masan Group.



DRAGON CAPITAL

Dragon Capital là một tập đoàn đầu tư tập trung hoàn toàn vào Việt Nam. Được thành lập năm 1994, công ty đã quản lý lượng tài sản hơn 1,3 tỷ USD thay cho các tổ chức tư nhân và đại chúng từ khắp nơi trên thế giới.



INTERNATIONAL FINANCE CORPORATION

Công ty Tài chính Quốc tế IFC, một thành viên của Tập đoàn Ngân hàng Thế giới (World Bank Group), là tổ chức phát triển toàn cầu lớn nhất, tập trung vào khu vực kinh tế tư nhân ở các nước đang phát triển. Công ty IFC tạo cơ hội cho người dân thoát khỏi đói nghèo và cải thiện cuộc sống của họ bằng cách cung cấp tài chính để giúp các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động hơn và cung cấp những dịch vụ thiết yếu, bằng cách huy động vốn từ những nguồn khác nhau song song với việc cung cấp dịch vụ tư vấn để đảm bảo sự phát triển bền vững. Trong thời điểm kinh tế toàn cầu bất ổn, các khoản đầu tư mới của công ty IFC đã đạt mức kỷ lục 18 tỷ USD trong năm tài chính 2010.

Trong năm 2010, Masan Group đã huy động được lượng tiền mặt tổng cộng hơn 220 triệu USD. Một số nhà đầu tư khác của chúng tôi bao gồm Goldman Sachs và Mount Kellett. Ở cấp các công ty con và công ty liên kết có House Foods là đối tác của Masan Consumer, HSBC là đối tác chiến lược với Techcombank và Mount Kellett là đối tác của Masan Resources.



TPG GROWTH

TPG Growth là một dạng quỹ đầu tư thị trường tầm trung và đầu tư cổ phiếu tăng trưởng thuộc TPG, một công ty đầu tư tư nhân toàn cầu. Với tổng tài sản đang quản lý ước tính khoảng 2,5 tỷ USD, công ty TPG Growth nhắm đến các khoản đầu tư diện rộng thuộc nhiều ngành nghề và khu vực địa lý khác nhau, tận dụng các cấu trúc mua bán doanh nghiệp bằng vốn vay, vốn cổ phần tăng trưởng và đầu tư tư nhân vào cổ phần đại chúng (PIPE). Công ty được hậu thuẫn bởi nguồn TPG với tài sản đang quản lý hơn 48 tỉ USD. TPG Growth có văn phòng ở Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ.

MASAN CONSUMER

Lựa Chọn Hàng Đầu
của Mỗi Gia Đình Việt

Dây chuyền sản xuất nước mắm tự động hoàn toàn đầu tiên trên thế giới tại nhà máy của Masan Consumer

MASAN CONSUMER

Masan Consumer hiện là một trong những nhà sản xuất thực phẩm lớn nhất tại Việt Nam, với vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều ngành hàng đa dạng. Nhiều sản phẩm của chúng tôi đã được các hộ gia đình tin dùng trong gần một thập niên qua và dần trở thành nhu yếu phẩm không thể thiếu đối với nhiều người tiêu dùng tại Việt Nam.



Đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam chủ yếu là nền kinh tế tiêu dùng và được phát triển dựa trên sự gia tăng tầng lớp trung lưu ở Việt Nam. Theo EIU, chỉ số tiêu dùng bình quân đầu người hứa hẹn sẽ tăng trưởng 14,0% trong năm 2011, nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người danh nghĩa là 11,0%. Đồng thời, chi tiêu thực phẩm bình quân đầu người ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các nền kinh tế khác ở Châu Á, do đó, tiềm năng cho sự tăng trưởng của ngành tiêu dùng là rất lớn, đặc biệt là những hàng hoá có thương hiệu.

Tầm nhìn của Masan Consumer là trở thành:

- Công ty tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam xét theo doanh số, lợi nhuận và sự công nhận thương hiệu;
- Điểm đến thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam;

- Biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Masan Consumer chúng tôi hoạch định phát triển dựa trên nền tảng thành công trong ngành kinh doanh thực phẩm của mình để thâm nhập vào các ngành kinh doanh còn bỏ ngõ khác tại Việt Nam trong các phân khúc hàng tiêu dùng, bao gồm đồ uống và sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân. Chúng tôi tận dụng sự hiểu biết của mình về thị trường Việt Nam và kinh nghiệm xây dựng thương hiệu để giới thiệu các sản phẩm phục vụ cho thị hiếu trong nước và thiết lập những thương hiệu lớn đã nhanh chóng được biết đến trên thị trường như Chin-su và Omachi. Hơn nữa, hệ thống phân phối vượt trội của chúng tôi được trang bị tốt nhất để luôn sẵn sàng hỗ trợ cho công cuộc mở rộng kinh doanh.

THƯƠNG HIỆU QUEN THUỘC VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ ĐẠI DIỆN CHO CHẤT LƯỢNG CAO

Các thương hiệu của chúng tôi nằm trong số những thương hiệu thực phẩm được công nhận rộng rãi nhất tại Việt Nam về chất lượng, độ tin cậy, và sự an toàn. Đây là những khía cạnh đặc biệt quan trọng trong ngành công nghiệp thực phẩm khi mà trong những năm gần đây, các sự cố về sản phẩm không có thương hiệu hoặc chất lượng thấp có chứa các chất độc hại đã được phát hiện và báo cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Kết quả là nhiều người tiêu dùng đã chuyển sang mua và sử dụng các sản phẩm đóng gói có thương hiệu. Và sự gia tăng thị phần của chúng tôi trong thập kỷ qua cũng đã phản ánh lòng trung thành và độ tín nhiệm ngày càng tăng của hàng triệu người tiêu dùng Việt Nam dành cho các

sản phẩm của chúng tôi. Tài sản thương hiệu này không chỉ cho phép chúng tôi đạt được tỷ suất lợi nhuận cao và lưu lượng tiền mặt bền vững, mà còn là một bộ phận giúp chúng tôi tham gia vào các ngành hàng tiêu dùng nhằm nhanh chóng đáp ứng xu hướng tiêu dùng đang tăng trưởng mạnh mẽ tại Việt Nam.

Trong năm 2010, một số sản phẩm mới đã được tung ra thị trường để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng, bao gồm: mì ăn liền Omachi 2 trong 1 (mì ăn liền hai-trong-một đầu tiên của Việt Nam), nước mắm pha sẵn Chin-su, mì ăn liền Oh Ngon, Omachi Spaghetti (sản phẩm spaghetti ăn liền đầu tiên của Việt Nam), nước tương pha sẵn Tam Thái Tử, nước mắm pha sẵn Nam Ngư và dầu ăn Chin-su.

HỆ THỐNG SẢN XUẤT CHO NĂNG SUẤT CAO VỚI TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT

Masan Consumer cùng các công ty con hiện đang vận hành tổng cộng 23 dây chuyền sản xuất tại bốn nhà máy ở Bình Dương, Tân Bình, Phú Quốc và Hải Dương. Bốn nhà máy này được vận hành theo những quy định về tiêu chuẩn tốt nhất, để sản xuất ra những sản phẩm có hương vị và chất lượng ổn định giúp củng cố và bảo vệ thương hiệu của chúng tôi. Chúng tôi hiện đang mở rộng nhà máy tại Bình Dương để đáp ứng xu hướng doanh số bán hàng ngày càng gia tăng kể từ năm 2007 và hy vọng nhà máy này sẽ trở thành cơ sở sản xuất chính trong năm 2011. Giai đoạn đầu của kế hoạch mở rộng này đã được hoàn thành vào năm 2010 với nhiệm vụ chính tập trung vào dự án tự động hoá dây chuyền sản xuất

nước mắm. Nhà máy này sẽ được hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn GMP và HACCP về chế biến, cũng như tiêu chuẩn loại A của Việt Nam đối với hệ thống xử lý nước thải với 25% tổng diện tích được phân bổ để tạo cảnh quan xanh.

Năng suất tối đa hiện tại của bốn nhà máy là 238 triệu lít nước mắm thương phẩm, 78 triệu lít nước tương, 12 triệu lít tương ớt và 1,63 tỷ gói mì ăn liền mỗi năm.

SỞ HỮU MỘT TRONG NHỮNG MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI SÂU RỘNG NHẤT VIỆT NAM

Tính đến ngày 31/12/2010, Masan Consumer đã phát triển một mạng lưới phân phối toàn quốc, bao gồm khoảng 140.000 điểm bán hàng tại tất cả 64 tỉnh thành của Việt Nam. Chúng tôi cũng phát triển quan hệ chặt chẽ với các nhà phân

phối, bán buôn và bán lẻ trên cả nước. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam, những thị trường tiêu thụ sản phẩm mới của chúng tôi đang phát triển nhanh chóng. Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng đó, chúng tôi đã không ngừng cải tiến và mở rộng mạng lưới phân phối của mình. Với độ phủ sâu và rộng của mạng lưới phân phối, chúng tôi tin rằng các sản phẩm và thương hiệu mới của chúng tôi sẽ được giới thiệu đến người tiêu dùng hiệu quả hơn so với các đối thủ cạnh tranh. Hệ thống phân phối sâu rộng này sẽ là một rào cản quan trọng đối với sự thâm nhập thị trường của các đối thủ trong nước và quốc tế.

NHỮNG ĐIỂM TRỌNG YẾU ĐẶT NỀN MÓNG CHO KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI HÔM NAY

Thay đổi Hành vi Tiêu dùng – Chúng tôi đã thay đổi cách sử dụng nước mắm từ một loại nước chấm đơn thuần thành một loại gia vị dùng trong nấu ăn và tắm ướp. Ngoài ra, bằng chiến lược quảng cáo

truyền hình với ngân sách marketing cao thuộc nhóm công ty chi hàng đầu trong nước, chúng tôi đã không ngừng tác động đến hành vi tiêu dùng để hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các sản phẩm thực phẩm đóng gói tiện lợi.

Hợp nhất thương hiệu, dẫn đầu thị trường – Chúng tôi đã phát triển Chin-su thành một thương hiệu mẹ (umbrella brand) trong ngành hàng nước chấm, qua đó giúp chúng tôi trở thành thương hiệu số 1 trong ngành hàng nước mắm, nước tương và tương ớt trong vòng chưa đầy 2 năm. Chúng tôi cũng đã phát triển Omachi thành một thương hiệu mẹ cho các sản phẩm thực phẩm tiện lợi. Hiện nay, Omachi đang dẫn đầu thị trường về doanh số và giá trị bán lẻ trong phân khúc mì ăn liền cao cấp theo đánh giá của công ty nghiên cứu thị trường Nielsen. Ngoài ra, chúng tôi còn có thể khai thác giá trị thương hiệu của Omachi để thâm nhập vào phân khúc thị trường mì ăn liền phổ thông và các phân khúc thực phẩm tiện lợi khác có tốc độ tăng trưởng cao.

Cải tiến sâu rộng mạng lưới phân phối – Chúng tôi đã thiết lập một mạng lưới phân phối vượt trội để tiếp cận hơn 140.000 điểm bán hàng trực tiếp trên toàn quốc thông qua 168 nhà phân phối và 1.453 nhân viên bán hàng.

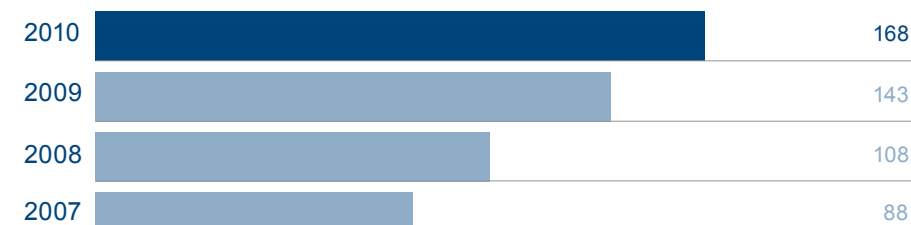
Nhà máy sản xuất – Chúng tôi đã và đang trong quá trình tự động hóa các dây chuyền sản xuất và áp dụng các quy trình để tuân thủ các tiêu chuẩn GPM và HACCP sau khi hoàn thành dự án mở rộng nhà máy.

THÀNH TÍCH

Thương hiệu nước chấm Chin-su đã được bầu chọn trong số 25 thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam theo khảo sát của Nielsen năm 2009 và Omachi chiếm vị trí thương hiệu số một trong phân khúc mì ăn liền cao cấp xét về giá trị bán lẻ trong năm 2010, theo nghiên cứu của Nielsen.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mạng lưới phân phối của Masan Consumer



(theo số lượng nhà phân phối)

Hơn
140.000
điểm bán hàng

THỊ PHẦN CỦA MASAN CONSUMER

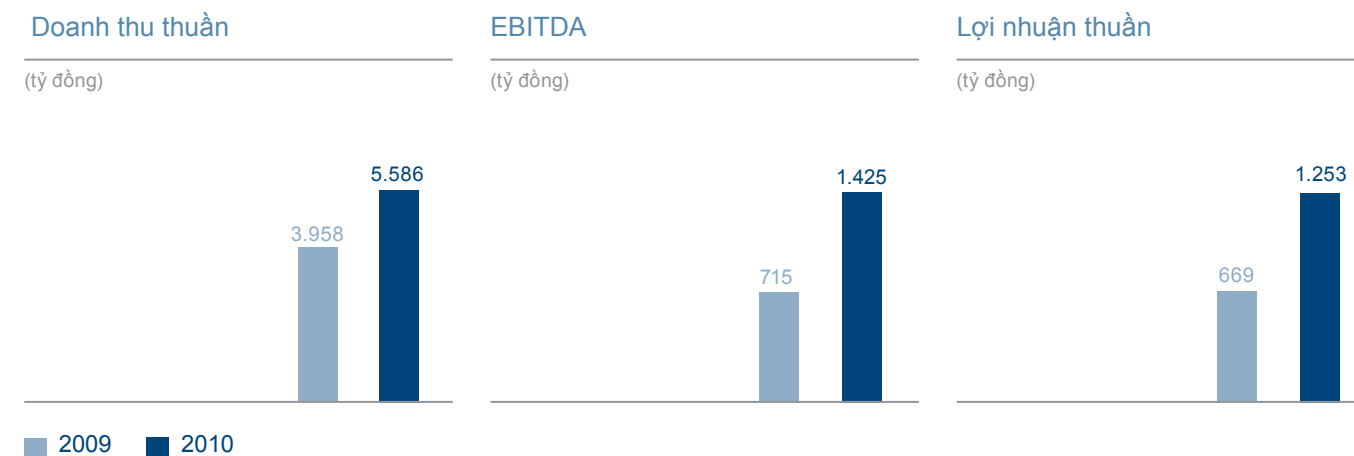
74%
thị phần nước mắm

80%
thị phần nước tương

40%
thị phần mì ăn liền cao cấp

Nguồn: Nielsen

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ & ĐỐI TÁC

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Chúng tôi tự hào có một đội ngũ quản lý cấp cao có nhiều kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng cũng như hiểu biết sâu sắc về thị hiếu, khẩu vị, điều kiện và thông lệ của thị trường nội địa. Masan Consumer có thể đạt được sự kết hợp độc đáo giữa nền tảng kiến thức địa phương và chuyên môn ngành nhờ việc tuyển dụng những nhân tài giỏi nhất trong nước với kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các công ty đa quốc gia hàng đầu về hàng tiêu dùng như Procter & Gamble và Unilever.

Ông Trương Công Thắng

Tổng giám đốc Điều hành

Ông Thắng có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng nhanh với 6 năm kinh nghiệm làm Giám đốc Tiếp thị cho Procter & Gamble Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Việt Nam.

Ông Castillo Santos

Giám đốc Điều hành sản xuất

Ông Castillo là chuyên gia về chuỗi sản xuất và cung ứng với 31 năm kinh nghiệm, trong đó có 14 năm làm việc cho Unilever Việt Nam. Ông tốt nghiệp Cử nhân Hoá học tại Đại học Philippines.

Ông Phạm Trung Lâm

Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Lâm có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán hàng và phân phối. Trước đây, ông làm việc cho Unilever và Nestle. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM, Việt Nam.

Ông Phạm Đình Toại

Giám đốc Tài chính

Ông Toại có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trước khi gia nhập Masan Consumer. Trước đây, ông từng là Giám đốc Kế toán Tài chính của Unilever Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kế toán Tài chính và Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM, Việt Nam.

Tiến sĩ Phạm Hồng Sơn

Giám đốc Nhà máy sản xuất

Ông Sơn có hơn 10 năm kinh nghiệm về sản xuất tại Masan Consumer. Trước đây, ông từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa Tp.HCM. Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Kỹ thuật từ Đại học Kansai, Nhật Bản.

Ông Nguyễn Đình Toàn

Giám đốc Điều hành Marketing

Ông Toàn có hơn 9 năm kinh nghiệm trong ngành tiếp thị. Trước đây, ông từng là Giám đốc Tiếp thị Khách hàng, phụ trách 9 thương hiệu tại Unilever Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế, Tp.HCM, Việt Nam.

Bà Lê Thị Nga

Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển

Bà Nga có hơn 10 năm kinh nghiệm trong khoa học nghiên cứu thực phẩm. Bà tốt nghiệp Học viện Công nghệ Thực phẩm Moscow, Nga.

ĐỐI TÁC



Được thành lập vào năm 1913 và niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tokyo và Osaka từ năm 1971. Danh mục sản phẩm của House Foods bao gồm cà ri, gia vị, thực phẩm đóng gói, thực phẩm nấu sẵn, đồ uống, đồ ăn nhẹ và các sản phẩm khác. Công ty có văn phòng, cơ sở sản xuất và trung tâm nghiên cứu & phát triển sản phẩm ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Vương quốc Anh và Mỹ.

TECHCOMBANK

Dịch Vụ Tin Cậy
Tiếp Cận Mọi Miền Đất Nước

TECHCOMBANK

Tốc độ mở rộng mạng lưới ATM nhanh nhất Việt Nam, gấp 3 lần so với 3 ngân hàng hàng đầu trong khối kinh tế tư nhân

TECHCOMBANK

Ngân hàng Techcombank hiện nay là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam về mặt qui mô tổng tài sản với mô hình dịch vụ cho vay bán lẻ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ dẫn đầu. Hơn 17 năm qua, kể từ ngày thành lập, chúng tôi đã phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng để nắm bắt nhu cầu tài chính của hơn 1,3 triệu khách hàng lẻ và 45 ngàn khách hàng doanh nghiệp trong cả nước.



Ngành ngân hàng Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn phát triển non trẻ và mang lại những cơ hội tăng trưởng hấp dẫn. Từ góc độ vĩ mô, mức độ thâm nhập tài chính của Việt Nam vẫn còn thấp hơn nhiều so với các thị trường mới nổi khác, với ước tính khoảng 15 triệu tài khoản ngân hàng trên tổng dân số khoảng 87 triệu người, tương ứng với tỉ lệ xâm nhập khoảng 17%.

Ngành ngân hàng tiếp tục tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn tăng trưởng GDP trên nền tảng của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế dùng tiền mặt sang hệ thống tài chính chính thống.

Với khoảng 70% dân số dưới 40 tuổi, lực lượng dân số trẻ của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy tốc độ tăng trưởng cao của ngành ngân hàng trong nước. Ngoài ra, sự phát triển của tầng lớp trung lưu ở Việt Nam cũng giúp cho các sản phẩm

và dịch vụ ngân hàng trở nên quen thuộc hơn, và điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành.

Ngoài lợi thế được hình thành từ các yếu tố nhân khẩu học, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ đầy hứa hẹn trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại, đặc biệt trong khối doanh nghiệp vừa và nhỏ, sẽ hình thành một cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho các ngân hàng có khả năng cung cấp các sản phẩm thích hợp, như tài trợ vốn lưu động, tài khoản tiền gửi, tài trợ thương mại, ngoại hối, dịch vụ quản lý tiền mặt và những sản phẩm ngân hàng khác.

Tại Techcombank, tầm nhìn của chúng tôi là trở thành:

- Đối tác tài chính được yêu thích và tin cậy nhất đối với các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, cung cấp cho họ đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính thông qua mối quan hệ

thân thiện, lấy khách hàng làm trung tâm;

- Một môi trường làm việc lý tưởng, ở đó nhân viên của chúng tôi có nhiều cơ hội để phát triển, đóng góp, xây dựng và thành công;
- Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2014, mang lại cho cổ đông khoản thu nhập trung hạn và dài hạn vượt trội bằng các phương pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Techcombank hoạch định tiếp tục phát triển nền tảng mũi nhọn tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cả hoạt động cho vay và huy động vốn. Chúng tôi cũng sẽ xây dựng Techcombank thành một nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu dành cho những khách hàng thuộc giới trung lưu và thượng lưu. Hơn nữa, chúng tôi sẽ sử dụng mạng lưới chi nhánh

sâu rộng, nền tảng công nghệ mạnh mẽ và các mối quan hệ với khách hàng doanh nghiệp để xây dựng thành một ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

NHỮNG ĐIỂM TRỌNG YẾU ĐẠT NỀN MÓNG CHO KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI HÔM NAY

Cải tiến sâu rộng mạng lưới phân phối – Chúng tôi đã phát triển mạng lưới chi nhánh lớn thứ 2 trong số các ngân hàng thuộc khu vực kinh tế tư nhân với 282 chi nhánh và phòng giao dịch, và 1.021 máy ATM tại 35 tỉnh thành. Là ngân hàng cổ phần đầu tiên trở thành thành viên của liên minh Smartlink-Banknetvn, chúng tôi đã giúp cho khách hàng có thể tiếp cận hơn 9.350 máy ATM trên toàn quốc.

Củng cố mô hình quản lý rủi ro – Chúng tôi đã triển khai mô hình quản lý rủi ro tín

dụng cho các công ty vừa và nhỏ cùng với công cụ đánh giá tín dụng định tính mới (QCA) để tinh giản quy trình đánh giá tín dụng. Đồng thời, chúng tôi tuyển dụng những nhân tài hàng đầu từ khắp trong nước và toàn cầu để củng cố bộ phận tài chính, cụ thể là Kế toán trưởng, Giám đốc khối Quản lý tài sản nợ và có, Chuyên viên phân tích kinh doanh và Giám đốc dự án. Ngoài ra, chúng tôi đã thiết kế một chính sách quản lý rủi ro thị trường mới và thành lập Nhóm công tác quản lý rủi ro vận hành.

Nâng cấp hệ thống – Chúng tôi đã tái thiết kế toàn bộ hệ thống báo cáo quản lý để đảm bảo kết quả kinh doanh cho đến hoạt động quản lý của chúng tôi được vận hành theo phương thức thân thiện, hiệu quả và kịp thời, kịp lúc. Ngân hàng cũng cải thiện Hệ thống thông tin quản lý và tiêu chuẩn hóa chế độ báo cáo trong tất cả các phòng ban.

Tăng cường cấp quản lý trung gian – Chúng tôi đã tăng cường lực lượng quản lý cấp trung gian bằng cách tuyển dụng các chuyên viên từ các ngân hàng Citibank và Standard Chartered.

MẠNG LƯỚI HIỆN ĐẠI VÀ HIỆU QUẢ MANG LẠI CHO TECHCOMBANK MỘT NỀN TẢNG KINH DOANH VỮNG CHẮC

Chi nhánh và phòng giao dịch là kênh phân phối quan trọng nhất của chúng tôi tại Việt Nam, trong đó các máy ATM đóng vai trò ngày càng quan trọng với nỗ lực tạo thuận lợi cho các giao dịch của khách hàng. Chúng tôi đã nhanh chóng nhân rộng mạng lưới chi nhánh để gia tăng khả năng tiếp cận, mở rộng mạng lưới khách hàng, và cải thiện dịch vụ. Techcombank có mạng lưới chi nhánh lớn thứ 2 trong số các ngân hàng trong khu vực kinh tế

tư nhân, gia tăng số lượng chi nhánh và phòng giao dịch từ 186 trong năm 2009 lên 282 vào cuối năm 2010, tương ứng với mức tăng 52%. Chúng tôi cũng sở hữu mạng lưới máy ATM có tầm bao phủ rộng lớn nhất trong số các ngân hàng trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam vào thời điểm 31/12/2010. Mạng lưới máy ATM của TCB tăng 81%, từ 565 máy trong năm 2009 lên 1.021 máy trong năm 2010.

NGÂN HÀNG CỦA SÁNG KIẾN VÀ CÔNG NGHỆ

Chúng tôi là ngân hàng Việt Nam đầu tiên đưa vào hoạt động phần mềm ngân hàng lõi Temenos T24, đây là phần mềm ngân hàng được ưa chuộng nhất thế giới và đã được nâng cấp lên thành T24 R9 trên toàn cầu.

Chúng tôi là định chế tài chính đầu tiên tại Việt Nam lựa chọn và triển khai hệ thống

Quản lý Quy trình Kinh doanh (BPM) đối với các quá trình xét duyệt tín dụng cho các khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chúng tôi cũng là ngân hàng cổ phần đầu tiên trở thành thành viên của mạng lưới ATM Smartlink-Banknetvn hiện đang cho phép khách hàng của chúng tôi tiếp cận với khoảng 9.350 máy ATM trên khắp Việt Nam. Trong năm 2010, chúng tôi đã triển khai Mô hình Kho Dữ liệu do Oracle cung cấp để tinh giản và cải thiện quá trình ra quyết định trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, chúng tôi cũng là định chế tài chính đầu tiên tại Việt Nam áp dụng giải pháp ngân quỹ tự động cho bộ phận front-office (tuyến đầu) và middle-office (tuyến trung gian).

DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG¹

- Vị trí số 1 xét theo số chi nhánh tăng thêm
- Vị trí số 1 xét theo số máy ATM mới
- Vị trí số 2 xét theo lợi nhuận trước thuế

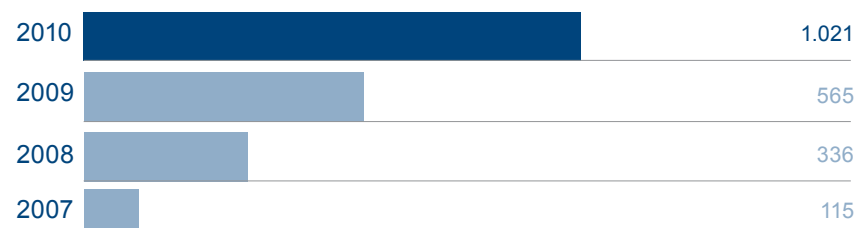
- Vị trí số 2 xét theo tổng vốn huy động
- Vị trí số 3 xét theo tổng tài sản

THÀNH TÍCH

- Được Euromoney - một ấn phẩm tài chính ở Vương quốc Anh đánh giá là “Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam năm 2010”
- Chính thức được Hiệp hội Thương hiệu Quốc gia của Việt Nam công nhận là “Thương hiệu Quốc gia năm 2010”
- Được Công ty Tài chính Quốc tế IFC – một thành viên của Ngân hàng Thế Giới trao giải “Ngân hàng hỗ trợ thương mại năng động nhất Đông Á”
- Được BID – tổ chức Sáng kiến Doanh nghiệp trao danh hiệu “Ngôi Sao Quốc Tế” dẫn đầu về Quản lý Chất lượng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

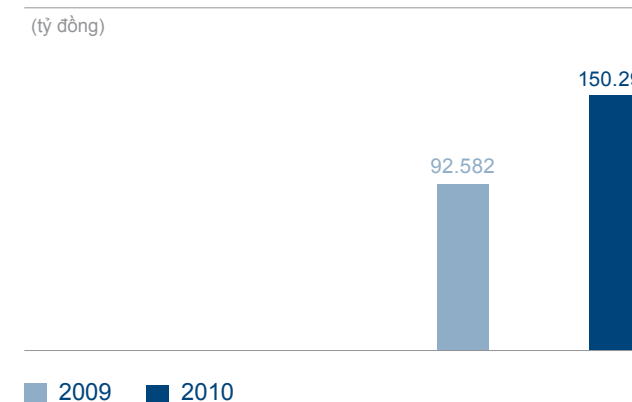
Mạng lưới máy ATM của ngân hàng Techcombank



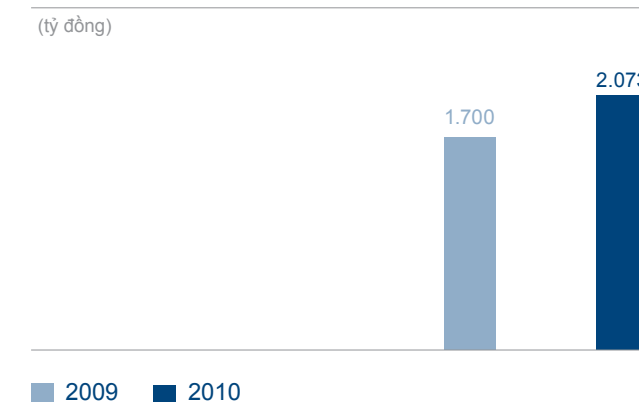
(theo số lượng máy ATM)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

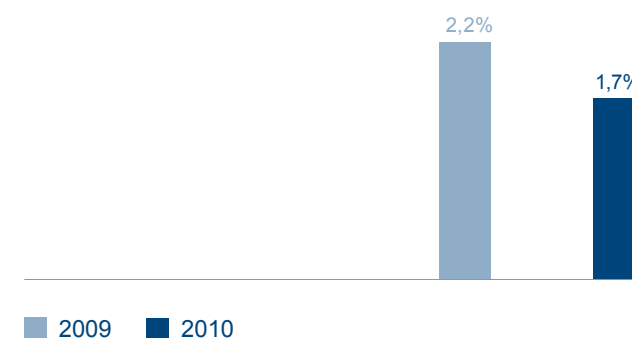
Tổng tài sản



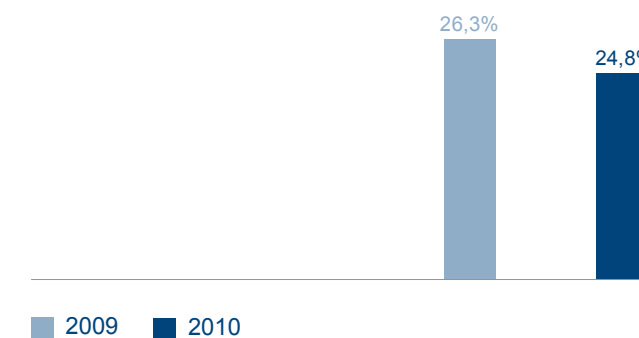
Lợi nhuận thuần



ROAA



ROAE



Tốc độ tăng trưởng số lượng máy ATM Nhanh hơn 3 lần so với 3 ngân hàng tư nhân hàng đầu

¹ Số liệu vào năm 2010 được so sánh với các ngân hàng thương mại cổ phần.

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ & ĐỐI TÁC

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Chúng tôi có một đội ngũ quản lý năng động gồm các chuyên viên có trình độ cao với kinh nghiệm đa dạng và phong phú, đến từ các tổ chức ngân hàng đa quốc gia và doanh nghiệp nhà nước hàng đầu.

Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng giám đốc Điều hành

Ông Vinh giữ vai trò Tổng giám đốc Điều hành với hơn 10 năm kinh nghiệm. Ông tốt nghiệp Đại học HEC, Pháp và Mỹ.

Ông Phùng Quang Hưng

Giám đốc Khối Kỹ thuật & Vận hành

Ông Hưng có trên 16 năm bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Trước đây, ông từng làm việc cho ngân hàng ABN AMRO tại Việt Nam và Ngân hàng Quốc Gia Úc Châu tại London. Ông tốt nghiệp đại học Washington State, Mỹ.

Ông Lê Xuân Vũ

Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng

Ông Vũ gia nhập Techcombank năm 1997 và giữ nhiều vị trí cao cấp trong Techcombank. Ông tốt nghiệp Đại học Northcentral, Mỹ.

Ông Suleman Chhagla

Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Suleman có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Trước đây ông là Giám đốc Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng Trung Ương Pakistan. Ông tốt nghiệp Đại học Thương mại Karachi, Pakistan.

Ông Anthony Guerrier

Giám đốc Khối Tài chính & Kế hoạch

Ông Anthony có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, trong đó có 7 năm kinh nghiệm làm việc cho HSBC, Pháp. Ông tốt nghiệp Đại học ESCF, Pháp.

Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Ông Vinh gia nhập Techcombank từ năm 1994 và giữ nhiều vị trí cao cấp trong Techcombank. Ông tốt nghiệp Đại học La Trobe, Việt Nam.

Ông Phạm Quang Thắng

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ông Thắng gia nhập Techcombank năm 1994 và giữ nhiều vị trí cao cấp trong Techcombank. Ông tốt nghiệp Đại học Công nghệ Swinburne, Úc.

Bà Đặng Tuyết Dung

Giám đốc Khối Dịch vụ Khách hàng Tài chính Cá nhân

Bà Dung có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, trong đó có 15 năm kinh nghiệm làm việc tại Citibank, Việt Nam. Bà Dung tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.

Ông Nguyễn Công Thành

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn

Ông Thành có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và đầu tư.

Trước đây, ông từng làm việc cho Ngân hàng Natixis, ABN - AMRO và Temasek Holdings. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM, Việt Nam.

Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Ông Sơn có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Trước đây, ông từng làm cho Citibank Việt Nam và Ngân hàng Tiền Phong. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội, Việt Nam.

Bà Bạch Thúy Hà

Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch

Bà Thúy Hà có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng. Trước đây, bà từng làm cho Citibank Việt Nam và Deutsche Bank. Bà Thúy Hà tốt nghiệp Đại học Công nghệ, Úc, và Đại học Leuven, Bỉ.

ĐỐI TÁC



Tập đoàn HSBC là một trong những tổ chức ngân hàng và dịch vụ tài chính lớn nhất thế giới và là ngân hàng nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam về vốn đầu tư, mạng lưới, danh mục sản phẩm, lượng nhân viên và khách hàng. Trong tháng 9 năm 2008, HSBC trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên nhận được sự chấp thuận chính thức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

MASAN RESOURCES

Xây Dựng Công Ty Tài Nguyên
Hàng Đầu Việt Nam
trong Khu vực Kinh Tế Tự Nhân



MASAN RESOURCES

Masan Resources là một trong những công ty tài nguyên hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam, hiện nay đang phát triển dự án Núi Pháo đa kim với tầm cỡ thế giới tại miền Bắc Việt Nam.



Việt Nam được ưu đãi với những trữ lượng khoáng sản lớn, cả khoáng sản thông dụng lẫn khoáng sản chuyên biệt, bao gồm bô-xít, đất hiếm, vonfram, titan, photpho, than đá và quặng sắt. Tuy nhiên, ngành khai thác khoáng sản chỉ chiếm 4,0% GDP của đất nước¹, nghĩa là còn rất nhiều cơ hội cho ngành phát triển.

Với dự án Núi Pháo làm đầu tàu, Masan Resources sẽ mua lại, phát triển và thăm dò các dự án khác để xây dựng công ty tài nguyên hàng đầu tại Việt Nam.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, ưu tiên hàng đầu của Masan Resources là phát triển dự án Núi Pháo, dự án tiên phong của công ty, theo đúng kế hoạch, tiến độ và ngân sách. Chúng tôi cũng sẽ phát triển và vận hành các dự án của mình theo những phương pháp quản lý tốt nhất

trên thế giới để hoạt động hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cùng sự an toàn của nhân viên và bảo vệ môi trường. Hơn nữa, Masan Resources có kế hoạch mở rộng danh mục đầu tư của mình bằng cách mua lại, phát triển và thăm dò các dự án có quy mô lớn khác tại Việt Nam và khu vực.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA DỰ ÁN

Dự án Núi Pháo là cơ sở lý tưởng để xây dựng Masan Resources thành công ty tài nguyên hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam.

Tài sản độc đáo có quy mô lớn – Núi Pháo là một mỏ khoáng sản độc đáo với trữ lượng vonfram, florit và bis-mut lớn

nhất thế giới, ngoài ra còn có đồng và trữ lượng vàng nhỏ. Khi đi vào sản xuất hoàn chỉnh, dự án Núi Pháo dự kiến sẽ tạo ra doanh thu hàng năm lên đến hơn 400 triệu USD².

Hàng hóa phù hợp – Nguồn doanh thu đa dạng mang lại sự ổn định cho dự án trong một môi trường hàng hóa nhiều biến động. Ngoài ra, với sự tập trung nguồn cung vonfram, florit và bismut, cùng với triển vọng của kim loại đồng, gắn liền với sự tăng trưởng của thị trường mới nổi, một tương lai đầy hứa hẹn về giá cả của các loại hàng hóa này đang mở ra rất thuận lợi.

Chi phí vận hành thấp – Được khai thác theo hình thức lộ thiên với tỉ lệ bóc đất thấp, dự án Núi Pháo sẽ trở thành một trong những công ty sản xuất vonfram

có chi phí thấp nhất trên thế giới. Chi phí tiền mặt tính trên cơ sở hàng hóa vonfram được dự đoán là số âm – điều này sẽ giúp cho dự án chịu đựng được mọi sự biến động trong giá cả hàng hóa.

Tiến độ nhanh vượt bậc– Dự án đã nhận được khoản đầu tư hơn 130 triệu USD trước khi được Masan Group mua lại, trong đó ước tính tài nguyên và trữ lượng đã được xác lập, nghiên cứu khả thi đã được hoàn thành, và số lượng đáng kể của các thiết bị đòi hỏi thời gian giao hàng dài cũng đã có mặt tại công trường. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro đối với việc phát triển dự án này của Masan Group và cũng cắt giảm thời gian chuẩn bị trước khi dự án có thể tạo ra doanh thu

Cơ sở hạ tầng sẵn có – Dự án có vị trí rất thuận lợi dựa trên cơ sở hạ tầng sẵn có. Dự án chỉ cách thủ đô Hà Nội khoảng 80

km, cách cảng Hải Phòng khoảng 180 km, và cách cảng Quảng Ninh khoảng 240 km. Cơ sở hạ tầng cơ bản như đường bộ, đường sắt và khả năng tiếp cận điện, nước đều có sẵn, giúp rút ngắn thời gian triển khai dự án.

NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Sau khi mua lại dự án Núi Pháo, Masan Group đã tập trung vào những lĩnh vực quan trọng để giảm thiểu rủi ro gắn liền với dự án và phát triển dự án thành công.

- **Giấy phép và phê chuẩn** – Trước khi ký kết giao dịch, Masan Group đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép khai thác mới cho Núi Pháo, ngay lập tức giải quyết được các vấn đề về pháp lý.
- **Đội ngũ quản lý** – Masan Group đã hỗ trợ xây dựng lại đội ngũ quản lý tại Masan Resources với việc tuyển

dụng Dominic Heaton, một chuyên gia kỹ cựu trong ngành khai thác khoáng sản với hơn 20 năm kinh nghiệm phát triển và vận hành các dự án khai thác mỏ.

- **Đền bù và tái định cư** – Masan Group đã làm việc với các cơ quan chính quyền tỉnh và địa phương để đẩy nhanh tiến độ bồi thường và tái định cư (C&R) của dự án. Với đội ngũ C&R hơn 40 người, chúng tôi đã đẩy nhanh quá trình sớm hơn nửa năm so với kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2010, chúng tôi nhận được sự phê duyệt đối với phương án bồi thường dành cho 93% diện tích đất cần ngay cho các dự án, so với chỉ 30% trước khi diễn ra thương vụ, và đã tiến hành thanh toán cho hơn 80% diện tích đất này. Ngoài việc thu hồi đất sẵn sàng cho kế hoạch xây dựng, việc đẩy nhanh quá trình C&R thể hiện sự tiến triển rõ

¹ GDP ước tính cho năm 2010 theo giá cố định năm 1994 (Tổng cục Thống kê Việt Nam).

² Giá cả hàng hóa cập nhật vào ngày 1/3/2011.

rệt của dự án đối với nhân dân Thái Nguyên và củng cố niềm tin rằng với sự hiện diện của Masan Group, dự án cuối cùng sẽ được xây dựng thành công cho dù trước đây bản thân dự án đã nhiều lần bị trì hoãn.

- Huy động vốn – Ngay sau khi mua lại dự án, Masan Group đã đẩy mạnh các cuộc thương thảo với các nhà đầu tư tiềm năng cho dự án. Trong tháng 12 năm 2010, Masan Group đã ký kết thỏa thuận chính thức với Mount Kellett, một công ty cổ phần tư nhân toàn cầu, để nhận khoản đầu tư vốn cổ phần 100 triệu USD vào Masan Resources. Sau đó, Masan Group cũng đã ký thỏa thuận với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và một ngân hàng trong nước đồng tài trợ dự án hơn 200 triệu USD.

TÓM TẮT GIAO DỊCH

Vào nửa cuối năm 2010, chúng tôi đã mua lại 100% lợi ích kinh tế (bao gồm quyền chọn mua để có thể mua thêm phần lợi ích kinh tế từ các cổ đông thiểu số) của Núi Pháo từ các cổ đông thiểu số và từ các quỹ đầu tư và công ty do Dragon Capital sở hữu hoặc quản lý. Trong đó, Dragon Capital là quỹ đầu tư tập trung vào thị trường Việt Nam. Với mục tiêu giảm thiểu các nghĩa vụ tài chính hiện hữu của Núi Pháo và đáp ứng nhu cầu vốn dự tính của dự án, giao dịch được cấu trúc theo hướng hạn chế tối đa lượng tiền mặt phải trả.

Để đổi lấy phần vốn góp tại Núi Pháo, Dragon Capital nhận được quyền chọn mua cổ phần phát hành mới của Masan Group và các hối phiếu nhận nợ có thời hạn bảy năm. Các hối phiếu nhận nợ này có thể dùng để thanh toán cho quyền chọn mua cổ phần nêu trên. Quyền chọn

mua này có thể thực hiện từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 kể từ ngày hoàn tất giao dịch để đổi lấy 29.770.465 cổ phần phổ thông của Masan Group. Các hối phiếu nhận nợ này không có quyền truy đòi đến Masan Group và được phát hành bởi Masan Horizon, một công ty con do Masan Group sở hữu toàn bộ. Dragon Capital cũng nhận được quyền sở hữu 20% vốn cổ phần trong Masan Resources, một công ty con của Masan Horizon được thành lập để nắm giữ 100% lợi ích kinh tế của Núi Pháo.

Quyền sở hữu 20% vốn cổ phần này của Dragon Capital có thể được điều chỉnh trong khoảng từ 15% đến 35%, tùy theo giá của ammonium paratungstate (sản phẩm sơ chế của vonfram) bán trong 2 năm đầu tiên trong kế hoạch sản xuất vonfram. Giá bán cao hơn sẽ làm tăng quyền sở hữu của Dragon Capital trong Masan Resources, và ngược lại, giá bán thấp hơn sẽ làm giảm quyền sở hữu của Dragon Capital trong Masan Resources. Khả năng điều chỉnh này là công cụ giúp Masan Group giảm thiểu rủi ro khi giá vonfram giảm bằng cách tăng tỷ lệ sở hữu tại Masan Resources. Đổi lại, Dragon Capital có thể có cơ hội tăng tỷ lệ sở hữu khi giá vonfram tăng.

Bên cạnh đó, chúng tôi có quyền chọn mua trong ba năm để mua lại toàn bộ quyền sở hữu của Dragon Capital trong Masan Resources với số tiền ban đầu là 61.280.000 USD, sau đó tăng thêm 2.390.000 USD sau mỗi quý đến mức giá cuối cùng là 90.000.000 USD vào thời điểm cuối năm thứ ba. Tất cả giao dịch bằng tiền USD sẽ được thanh toán bằng tiền Việt theo tỷ giá 1 USD quy đổi được 19.000 đồng. Trong trường hợp chúng tôi không thực hiện quyền chọn mua trong vòng 1 tháng vào cuối năm thứ

ba, Dragon Capital có quyền chọn bán cổ phần của họ trong Masan Resources cho Masan Group để đổi lấy 25.942.505 cổ phần của Masan Group. Quyền chọn mua cho Masan Group cơ hội gia tăng lợi ích kinh tế tại Masan Resources và quyền chọn bán cho Dragon Capital cơ hội thoái vốn đầu tư.

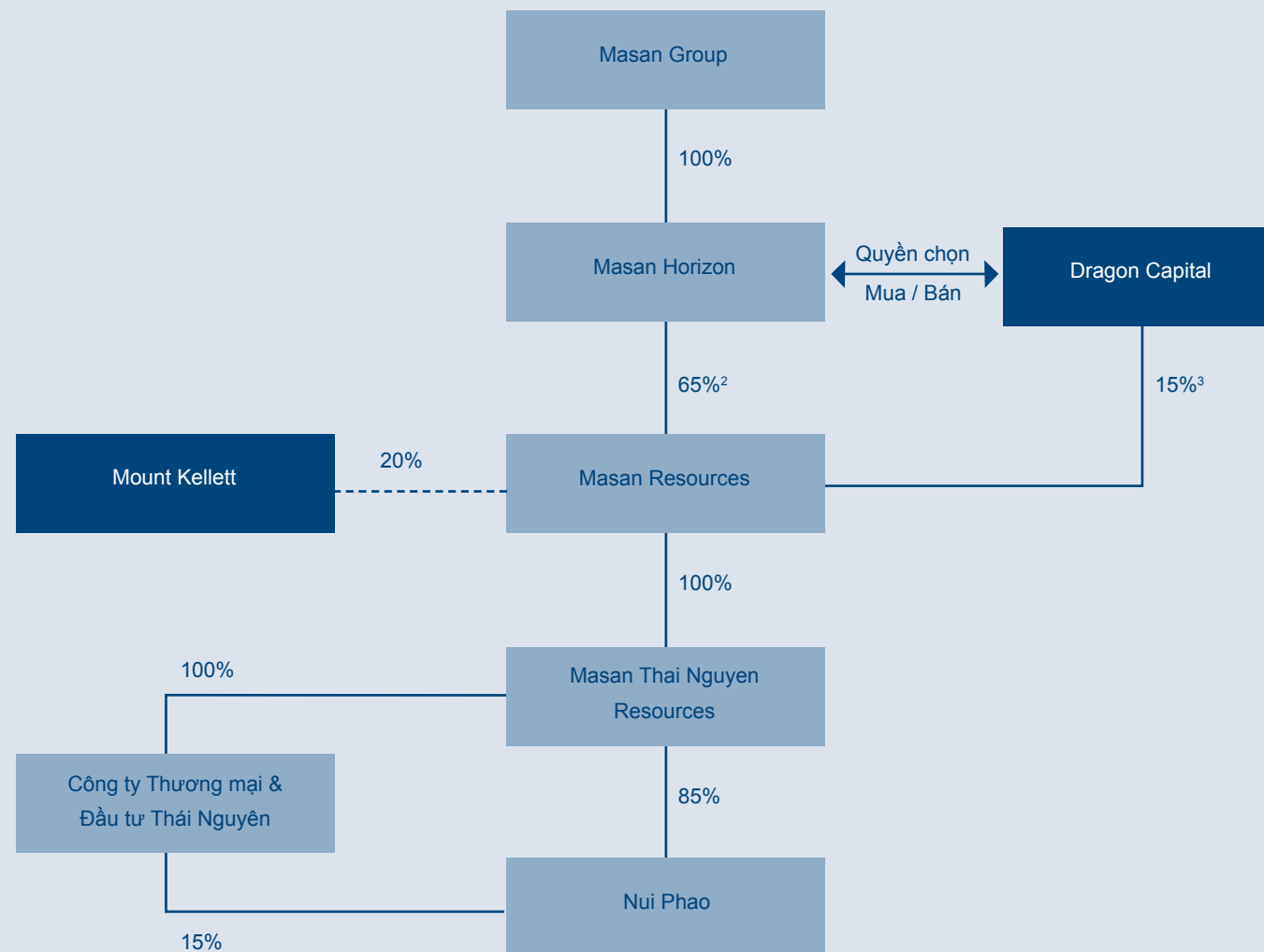
Các thành viên góp vốn trước đây của dự án Núi Pháo cũng nhận được các công cụ tài chính có khả năng chuyển đổi thành cổ phiếu của Masan Group.

Tóm lại, thương vụ này chủ yếu không dùng tiền mặt, cho phép chúng tôi bảo toàn vốn để tài trợ cho việc phát triển dự án và củng cố giá trị sổ sách của dự án.

Trong tháng 12/2010, Mount Kellett đã ký thỏa thuận đầu tư 100 triệu USD vào Masan Resources nhằm đổi lấy tỷ lệ sở hữu cổ phần 20%. Giao dịch này đã được hoàn tất vào tháng 3/2010 và sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện tại trong Masan Resources. Nếu tính luôn quyền chọn mua cổ phiếu của Dragon Capital, chúng tôi hiện nắm giữ 80% lợi ích kinh tế tại Masan Resources sau giao dịch với Mount Kellett.

Sau khi hoàn tất giao dịch mua lại dự án Núi Pháo, chúng tôi thu được khoản lợi nhuận từ bất lợi thương mại (negative goodwill) và khoản tiền mặt. Ngoài ra, nếu giá trị của Masan Resources tính dựa theo giá mua của Mount Kellett, chúng tôi còn có một khoản lợi nhuận lớn không thể hiện trên giá trị sổ sách.

CẤU TRÚC SỞ HỮU CỦA MASAN RESOURCES¹



¹ Thông tin vào ngày lập báo cáo này

² 80% vào ngày 31/12/2010

³ 20% vào ngày 31/12/2010

--- Quyền lợi kinh tế phát sinh sau ngày 31/12/2010

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ & ĐỐI TÁC

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Dưới sự lãnh đạo của Dominic Heaton, Masan Resources đã tập hợp được một đội ngũ các chuyên gia trong ngành khai thác mỏ với kinh nghiệm đa dạng trong các lĩnh vực xây dựng và điều hành dự án trong khu vực thông qua những tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Chúng tôi tin rằng một đội ngũ quản lý phù hợp không chỉ xây dựng dự án Núi Pháo thành công mà còn sẽ phát triển Masan Resources trở thành công ty tài nguyên hàng đầu của Việt Nam.

Ông Dominic Heaton

Tổng giám đốc Điều hành

Ông Dominic có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành khai thác khoáng sản. Trước đây, ông từng là Giám đốc của OZ Minerals, và Tổng Giám đốc của Mỏ vàng và đồng Sepon ở Lào. Ông tốt nghiệp Đại học James Cook và Đại học La Trobe, Úc.

Ông Vũ Hồng

Phó tổng giám đốc thứ nhất, kiêm Giám đốc Phụ trách Đối ngoại

Ông Hồng có hơn 30 năm kinh nghiệm, bao gồm thời gian làm ở Ngân hàng Thế giới, chủ yếu làm việc tại các nước Đông Nam Á trong các dự án phát triển và cơ sở hạ tầng.

Ông Craig Bradshaw

Giám đốc Điều hành

Ông Craig có gần 20 năm kinh nghiệm trong quản lý thương mại và hành chính của ngành khai thác khoáng sản. Trước đây, ông từng là Giám đốc Thương mại Cao cấp cho dự án Sepon của công ty khai thác khoáng sản Lane Xang, công ty con của tập đoàn MMG, Lào. Ông tốt nghiệp Đại học Southern Queensland, Úc.

Ông Dale Smith

Giám đốc Xây dựng

Ông Dale có hơn 23 năm kinh nghiệm trong ngành khai thác khoáng sản, trong đó ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển dự án. Trước đây, ông

từng là Giám đốc Dự án cho dự án Sepon của công ty khai thác khoáng sản Lane Xang, công ty con của tập đoàn MMG, Lào. Ông tốt nghiệp Đại học Queensland, Úc.

Ông Wilson Soon

Phó giám đốc Tài chính

Ông Wilson có hơn 6 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên. Trước đây, ông từng làm việc cho PricewaterhouseCoopers và KPMG Trung Quốc, Hồng Kông. Ông tốt nghiệp Trường Kinh tế London và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công.

PARTNER



Mount Kellett Capital Management L.P. là một công ty đầu tư đa lĩnh vực, tập trung đầu tư vào tình huống đặc biệt toàn cầu và đầu tư cơ hội. Công ty đã đóng quỹ đầu tiên, MKCP I, trong tháng 12 năm 2009 với tổng mức cam kết vốn khoảng 3 tỷ USD và hiện đang quản lý hơn 4,1 tỷ USD. Mount Kellett tập trung đầu tư giá trị dài hạn vào nhiều loại tài sản và nhiều khu vực địa lý trên tổng cơ cấu vốn. Mount Kellett đầu tư ở Bắc Mỹ, Châu Á và Châu Âu.

BÁO CÁO
CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG QUAN

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phục hồi trong năm 2010, nền kinh tế Việt Nam trải qua một năm với cả những kết quả tích cực lẫn tiêu cực: GDP tăng trưởng mạnh ở mức 6,8%, nhưng tỷ lệ lạm phát tăng cao, thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại và giá trị đồng nội tệ gặp nhiều áp lực. Trong môi trường ấy, Masan Group vẫn thành công trong việc huy động được nhiều nguồn vốn đáng kể, triển khai các giao dịch mua bán và sáp nhập công ty (M&A), xây dựng năng lực vận hành và hoạt động kinh doanh, đồng thời thúc đẩy sự tăng trưởng của cả công ty. Chúng tôi đã huy động hơn 220 triệu USD từ các nhà đầu tư và các đối tác có uy tín như Công ty Tài chính Quốc tế IFC, Goldman Sachs và Mount Kellett¹; hoàn thành thương vụ M&A lớn nhất tại Việt Nam; nâng cao lợi ích kinh tế trong các doanh nghiệp đã đầu tư; và gia tăng lợi nhuận thuần khoảng 286,9% so với năm 2009, đạt mức 2.629 tỷ đồng trong năm 2010. Thị trường đã thừa nhận những thành tựu của chúng tôi, thể hiện ở việc giá cổ phiếu của chúng tôi đạt kết quả vượt trội so với chỉ số VNIndex trong khoảng thời gian này. Tính đến ngày 31/12/2010, mức vốn hóa thị trường của chúng tôi đạt xấp xỉ 2 tỷ USD, đưa Masan Group trở thành công ty niêm yết lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân và là một trong ba cổ phiếu niêm yết lớn nhất tại Việt Nam tính theo giá trị vốn hóa thị trường².

Trong năm 2010, chúng tôi đã tăng lợi ích kinh tế của mình trong Masan Consumer (trước đây là Masan Food) thêm 16,0%, đạt mức 86,6%. Lợi ích kinh tế tăng thêm đạt được thông qua việc hoán đổi cổ phiếu phổ thông của Masan Group được phát hành trong năm 2014 và tiền mặt. Masan Consumer đã đạt được doanh thu thuần 5.586 tỷ đồng trong năm 2010, tăng 41,1% so với năm 2009. Lợi nhuận thuần đạt 1.253 tỷ đồng, tăng 87,4% so với năm 2009 và vượt mục tiêu 1.200 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy nhờ doanh số gia tăng trong từng dòng sản phẩm hiện hữu do những nỗ lực không ngừng của công ty trong

việc xâm nhập thị trường nông thôn và nhờ việc giới thiệu những sản phẩm mới.

Chúng tôi cũng đã gia tăng lợi ích kinh tế của mình trong ngân hàng Techcombank lên 28,94%. Sự gia tăng quyền lợi kinh tế này được thực hiện thông qua việc mua trực tiếp và mua lại trái phiếu chuyển đổi để đổi lấy cổ phiếu phổ thông của Masan Group được phát hành trong năm 2012 và tiền mặt. Ngân hàng Techcombank đã đạt thu nhập lãi thuần là 3.184 tỷ đồng vào năm 2010, tăng 27,4% so với năm 2009. Lợi nhuận trước thuế là 2.744 tỷ đồng, tăng 21,8% so với năm 2009 và vượt mức kế hoạch điều chỉnh 2.700 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 2.073 tỷ đồng, tăng 21,9% so với năm 2009. Sự tăng trưởng của Techcombank chủ yếu được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng 25,8% trong các khoản cho khách hàng vay, đạt 52.317 tỷ đồng, và sự tăng trưởng 29,2% trong các khoản huy động tiền gửi của khách hàng, đạt 80.551 tỷ đồng.

Trong năm 2010, chúng tôi đã mua lại 100% lợi ích kinh tế (bao gồm cả quyền chọn để mua thêm lợi ích kinh tế) của công ty Núi Pháo, đơn vị đang phát triển dự án mỏ đa kim – vonfram Núi Pháo ở miền Bắc Việt Nam, thông qua công ty mới được chúng tôi thành lập, Masan Resources. Thương vụ đã giúp cho dự án khai khoáng này giảm bớt rủi ro một cách đáng kể nhờ vào việc cấu trúc lại khoản nợ tài chính khá lớn mà dự án Núi Pháo đang gánh. Ngoài ra, tổng khối lượng tiền mặt được chi trả để thu nhận quyền kiểm soát của dự án Núi Pháo là rất nhỏ. Điều này mang lại sự linh hoạt lớn hơn trong việc tài trợ vốn và phát triển dự án khai khoáng này.

Masan Resources đã hoàn thành một số cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển dự án Núi Pháo sau khi tiếp quản. Dự án Núi Pháo đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy chứng nhận Đầu tư và Giấy phép Khai thác khoáng sản mới. Công ty cũng hoàn thành hơn 93% khối lượng công tác bồi thường và tái định cư³, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Đầu năm 2011, Masan Resources cũng đã đảm bảo được nguồn vốn để phát triển dự án với khoản đầu tư vốn cổ phần 100 triệu USD từ Mount Kellett, cũng như các thỏa thuận với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và một nhóm ngân hàng thương mại trong nước về một khoản tín dụng có đảm bảo với hạn mức lên đến 200 triệu USD. Sau khi ký kết giao dịch với Mount Kellett, quyền lợi kinh tế của chúng tôi (bao gồm cả quyền chọn để mua thêm quyền lợi kinh tế) đã bị pha loãng còn 80,0%.

Nhìn chung, năm 2010 là khoảng thời gian xác thực chiến lược lựa chọn ngành và chiến lược thực thi của chúng tôi. Tính đến nay, chúng tôi đã phát triển 3 công ty dẫn đầu trong thị trường tương ứng: Masan Consumer trong ngành hàng tiêu dùng có thương hiệu, ngân hàng Techcombank trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, và gần đây nhất là Masan Resources trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Với những doanh nghiệp mũi nhọn và năng lực tài chính linh hoạt, chúng tôi tin rằng các doanh nghiệp đang hoạt động của chúng tôi đã tạo dựng được vị thế tốt để mang lại tốc độ tăng trưởng thu nhập trong khoảng 30% đến 50% trong năm 2011. Tóm lại, Masan Group đã chuẩn bị sẵn sàng để củng cố vị thế của một công ty hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam trong những năm tới thông qua sự kết hợp giữa tăng trưởng nội tại và các thương vụ M&A.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi tập trung ở Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế Việt Nam có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm cả sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á.

Các yếu tố của nền kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và tiêu dùng cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp, và mức độ sẵn sàng của tín dụng, cũng như các

yếu tố như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hay chính trị bất lợi nào khác.

Trong năm 2011, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ nhanh, mặc dù có các quan ngại về lạm phát gia tăng và cán cân thương mại quốc gia bị thâm hụt. Trên bình diện quốc tế, nguy cơ sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu sẽ yếu hơn kỳ vọng của chúng ta. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu, mà nó cũng tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với chi tiêu của người tiêu dùng và doanh nghiệp tại Việt Nam, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự biến động giá cả hàng hóa quốc tế. Giá nhiên liệu toàn cầu sẽ duy trì ở mức tương đối cao trong suốt thời kỳ dự báo. Áp lực mạnh từ lượng cầu tăng và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam so với USD khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt hơn, vì thế sẽ đẩy mặt bằng giá lên cao.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi là công ty mẹ với tài sản chính là những những khoản đầu tư vào các công ty, chủ yếu là Masan Consumer, Masan Resources và ngân hàng Techcombank. Vì vậy, những nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty này cũng tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 86,6% lợi ích kinh tế trong Masan Consumer vào ngày 31/12/2010 và tính trên cơ sở hợp nhất, Masan Consumer là một công ty con trong báo cáo tài chính của chúng tôi. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

1 Masan Group ký kết hợp đồng với Mount Kellett vào tháng 12/2010. Giao dịch hoàn tất vào tháng 3/2011.

2 Vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2010 (546 triệu cổ phiếu của Masan Group, với giá định trái phiếu có thể chuyển đổi TPG đã được chuyển đổi); Với tỉ giá chuyển đổi là 1USD = 21.000đ; Khu vực kinh tế tư nhân được định nghĩa là những công ty mà nhà nước không nắm cổ phần chi phối hoặc không có nguồn gốc là doanh nghiệp nhà nước.

3 Phần đất này cần thiết để phát triển dự án. Khoản đền bù cho 93% phần đất này đã nhận được sự chấp thuận từ chính quyền địa phương.

Chúng tôi nắm giữ 28,94% lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank tính đến ngày 31/12/2010 và sau đó gia tăng tỷ lệ này lên 30,84%. Do chúng tôi không sở hữu cổ phần kiểm soát tại ngân hàng Techcombank, nên chúng tôi hạch toán khoản đầu tư vào ngân hàng này theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của ngân hàng Techcombank cũng sẽ có tác động trực tiếp đến lợi nhuận thuần của chúng tôi, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của chúng tôi.

Masan Group nắm giữ 100% lợi ích kinh tế trong Masan Resources vào ngày 31/12/2010. Trong đó, 80,0% lợi ích kinh tế này được nắm giữ thông qua cổ phiếu của các công ty con của chúng tôi và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ của công ty này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Tỷ lệ lợi ích kinh tế còn lại được nắm giữ dưới hình thức quyền chọn để mua lại 20,0% Masan Resources từ một cổ đông thiểu số và được ghi nhận trong Quyền lợi cổ đông thiểu số trên báo cáo tài chính của chúng tôi. Những sự kiện có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Masan Resources cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động của chúng tôi. Sau ngày 31/12/2010, Masan Resources đã phát hành cổ phiếu phổ thông cho Mount Kellett tương ứng với mức 20,0% lợi ích kinh tế của công ty. Do đó, lợi ích kinh tế của chúng tôi đã bị pha loãng xuống 80,0%, trong đó 65,0% sẽ được hợp nhất như một công ty con trên báo cáo tài chính của chúng tôi.

Những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và kết quả tài chính của Masan Group bao gồm những rủi ro pháp lý, kinh doanh, cạnh tranh và vận hành, cũng như những yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Group hoạt động trong những ngành phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer tạo ra sức cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và

sự đa dạng của sản phẩm. Ngành thực phẩm Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm đa quốc gia thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động chiêu thị, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận của chúng tôi giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Ngân hàng Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các định chế tài chính cả trong và ngoài nước, do yêu cầu mở cửa thị trường sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO vào năm 2007. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua các chi nhánh tại Việt Nam. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực thi chính sách tự do hóa lĩnh vực ngân hàng, Techcombank cũng có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn từ các ngân hàng trong nước khác. Điều này có thể dẫn đến một tác động bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

Theo dự kiến, khi Masan Resources bắt đầu vận hành dự án khai thác mỏ Núi Pháo của mình, phần lớn doanh thu sẽ thu được từ hoạt động xuất khẩu. Công ty sẽ cạnh tranh với những nhà sản xuất vonfram, florit, bismut và đồng trên thế giới, chủ yếu dựa vào chất lượng, giá cả, chi phí vận tải, và độ tin cậy của nguồn cung. Không thể bảo đảm rằng các đối thủ cạnh tranh với Núi Pháo sẽ không tìm cách bán khoáng sản có phẩm cấp cao hơn, giảm giá hàng hóa mạnh mẽ để giành thị phần, thăm dò thêm các khu mỏ dễ tiếp cận hơn, hoặc tạo nguồn cung đáng tin cậy hơn.

Masan Group và các công ty con, công ty liên kết phụ thuộc vào khả năng duy trì việc tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có tay nghề thích hợp cho các vị trí quản lý chủ chốt của mình.

Mặc dù Masan Group và các công ty con, công ty liên kết không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng

Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Group phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ và nỗ lực, cũng như khả năng duy trì việc tuyển dụng và giữ chân họ và những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, Masan Group phải đối mặt với thách thức thường xuyên trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên tài giỏi. Sự mất mát nhân sự chủ chốt có thể gây ra một tác động vô cùng bất lợi đối với lĩnh vực kinh doanh, tình trạng tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của mình.

Triển vọng kinh doanh của Masan Group trực tiếp gắn liền với triển vọng kinh tế của Việt Nam.

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi trực tiếp gắn liền với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, thì điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến công ty chúng tôi.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	2010	2009	2010	2009
Đơn vị tính: triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán	Pro forma	Pro forma
Doanh thu gộp	5.689.498	4.078.147	5.689.498	4.078.147
Các khoản giảm trừ	(103.211)	(120.333)	(103.211)	(120.333)
Doanh thu thuần	5.586.287	3.957.814	5.586.287	3.957.814
Giá vốn hàng bán	(3.194.617)	(2.583.876)	(3.194.617)	(2.583.876)
Lợi nhuận gộp	2.391.670	1.373.938	2.391.670	1.373.938
Chi phí quản lý và bán hàng	(1.164.997)	(742.038)	(1.164.997)	(742.038)
Thu nhập tài chính	1.620.919	160.292	381.205	160.292
Chi phí tài chính	(270.277)	(103.130)	(270.277)	(103.130)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.577.315	689.062	1.337.601	689.062
Lợi nhuận/ (Lỗ) khác	8.208	(4.146)	8.208	(4.146)
Lợi nhuận từ Công ty liên kết	160.598	48.010	599.855	492.029
Lợi nhuận trước thuế	2.746.121	732.926	1.945.664	1.176.945
Thuế	(116.904)	(53.408)	(116.904)	(53.408)
Lợi nhuận thuần	2.629.217	679.518	1.828.760	1.123.537

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	31/12/2010	31/12/2009
Đơn vị tính: triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.626.838	2.441.831
Tiền & các khoản tương đương tiền	3.394.575	1.123.616
Đầu tư tài chính ngắn hạn	490.000	776.000
Phải thu của khách hàng	53.843	54.938
Các khoản phải thu khác	260.366	227.998
Hàng tồn kho	290.200	199.466
Tài sản ngắn hạn khác	137.854	59.813
TÀI SẢN DÀI HẠN	16.502.700	4.575.263
Tài sản cố định	8.261.999	605.360
Tài sản cố định hữu hình	561.229	465.483
Tài sản cố định thuê tài chính	11.686	14.096
Tài sản cố định vô hình	72.564	72.865
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.616.520	52.916
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.099.909	3.919.827
Tài sản dài hạn khác	140.792	50.076
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	21.129.538	7.017.094

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	31/12/2010	31/12/2009
Đơn vị tính: triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	3.224.917	1.210.937
Vay & nợ ngắn hạn	1.124.674	687.260
Phải trả người bán	443.583	267.168
Người mua trả tiền trước	7.997	11.267
Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	152.842	77.417
Phải trả người lao động	5.395	148
Chi phí phải trả	502.838	163.590
Các khoản phải trả, phải nộp khác	987.588	4.087
NỢ DÀI HẠN	5.756.133	736.618
Vay và nợ dài hạn	5.000.560	734.723
Phải trả dài hạn khác	755.573	1.895
NỢ PHẢI TRẢ	8.981.050	1.947.555
VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.623.685	4.762.088
Vốn cổ phần	5.152.723	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	2.166.136	1.421.817
Vốn khác của chủ sở hữu	9.651.713	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.189	-
Vốn khác	(9.062.082)	(1.947.256)
Lợi nhuận chưa phân phối	2.712.006	434.707
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	(1.178)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	1.524.803	307.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	21.129.538	7.017.094

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Doanh thu thuần tăng 41,1 % từ mức 3.958 tỷ đồng trong năm 2009 lên mức kỷ lục 5.586 tỷ đồng trong năm 2010. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu là do doanh số bán hàng của Masan Consumer tăng lên trong mỗi dòng sản phẩm hiện hữu, đặc biệt là nước mắm và mì ăn liền Omachi, nhờ những nỗ lực kiên trì nhằm xâm nhập thị trường nông thôn và việc giới thiệu những dòng sản phẩm mới. Sự gia tăng doanh số bán hàng này một phần bắt nguồn từ hoạt động mở rộng mạng lưới bán hàng không ngừng của Masan Consumer, trong đó bao gồm việc mở rộng thêm 25 nhà phân phối và 15.081 điểm bán hàng trong năm 2010.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm 2010 là 3.195 tỷ đồng, so với mức 2.584 tỷ đồng trong năm 2009, tăng 23,6%. Giá vốn hàng bán tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ 65,3% trong năm 2009 xuống 57,2% trong năm 2010. Điều này chủ yếu là do các biện pháp tiết kiệm chi phí được triển khai bởi bộ phận nghiên cứu và phát triển của Masan Consumer. Ngoài ra, quy mô kinh tế ngành hàng mì ăn liền được cải thiện, danh mục sản phẩm được mở rộng và những sáng kiến mới trong việc cắt giảm chi phí đóng gói đã giúp giảm chi phí sản xuất.

Lợi nhuận gộp

Nhờ những kết quả nêu trên, lợi nhuận gộp tăng 74,1% từ mức 1.374 tỷ đồng trong năm 2009 lên 2.392 tỷ đồng trong năm 2010. Như vậy, tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 34,7% trong năm 2009 lên 42,8% trong năm 2010 nhờ những sản phẩm nước mắm và mì ăn liền cao cấp, cũng như các sáng kiến tiết kiệm chi phí.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng trong năm 2010 là 951 tỷ đồng, so với mức 637 tỷ đồng trong năm 2009. Chi phí bán hàng tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần tăng từ 16,1% trong năm 2009 lên 17,0%

trong năm 2010. Đây là kết quả của sự đầu tư liên tục của Masan Consumer vào hoạt động xây dựng thương hiệu và tiếp thị, cùng với việc giới thiệu những sản phẩm mới trong thị trường nước chấm và mì ăn liền.

Chi phí quản lý

Chi phí quản lý trong năm 2010 là 214 tỷ đồng so với mức 105 tỷ đồng trong năm 2009. Chi phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần tăng từ 2,7% trong năm 2009 lên 3,8% trong năm 2010. Đây là kết quả trực tiếp của sự gia tăng chi phí nhân sự do việc tuyển dụng các chuyên viên phát triển kinh doanh bổ sung và nhân sự chủ chốt cho Masan Group và các công ty con.

Thu nhập tài chính

Thu nhập tài chính tăng thêm 1.461 tỷ đồng, tương ứng với 911,2%, lên mức 1.621 tỷ đồng trong năm 2010, từ mức 160 tỷ đồng trong năm 2009, chủ yếu từ việc ghi nhận khoản bất lợi thương mại có giá trị lên đến 1.240 tỷ đồng liên quan đến thương vụ mua lại dự án Núi Pháo thông qua Masan Resources. Thu nhập từ lãi trên các khoản tiền gửi ngân hàng cũng tăng lên do trạng thái tiền mặt vững chắc trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính tăng thêm 167 tỷ đồng, tương ứng với 162,1%, lên mức 270 tỷ đồng trong năm 2010, từ mức 103 tỷ đồng trong năm 2009, chủ yếu là chi phí lãi vay trích trước cho các trái phiếu hoặc khoản vay chuyển đổi từ TPG, IFC và Goldman Sachs do Masan Group phát hành hoặc huy động.

Lợi nhuận từ Công ty liên kết

Lợi nhuận từ Công ty liên kết thể hiện phần lợi nhuận thuần của Techcombank đóng góp theo tỉ lệ mà Masan Group nắm giữ trong ngân hàng này. Như vậy, lợi nhuận từ Công ty liên kết trong năm 2010 đạt 161 tỷ đồng, tăng 234,5% so với năm 2009. Chúng tôi ghi nhận lợi ích kinh tế của mình trong ngân hàng Techcombank bắt đầu vào tháng 9/2009 sau khi hoàn thành quá trình tái cơ cấu để chuẩn bị cho việc niêm yết. Do đó, trong năm 2009, chúng

tôi ghi nhận phần lợi nhuận từ Công ty liên kết tương ứng với 4 tháng nắm giữ lợi ích kinh tế. Trong năm 2010, chúng tôi ghi nhận cả năm phần lợi nhuận của Techcombank theo tỉ lệ lợi ích kinh tế mà chúng tôi nắm giữ. Do đó, phần lợi nhuận từ Công ty liên kết của chúng tôi tăng đáng kể. Ngoài ra, xét về hoạt động tài chính của riêng Techcombank, ngân hàng đã báo cáo những kết quả vượt trội với thu nhập thuần tăng thêm 21,9%.

Lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần đạt 2.629 tỷ đồng, tăng 286,9% từ mức 680 tỷ đồng trong năm 2009. Sự gia tăng này là nhờ kết quả từ Masan Consumer, Masan Resources và ngân hàng Techcombank.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Masan Group duy trì trạng thái tiền mặt vững mạnh với 3.395 tỷ đồng vào ngày 31/12/2010, so với mức 1.124 tỷ đồng trong năm 2009, tăng 202,1%. Khoản tiền này sẽ tạo điều kiện để chúng tôi cấp vốn cho các cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Trong năm, Masan Group đã huy động các nguồn vốn tổng cộng 2.388 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu phổ thông và các khoản vay chuyển đổi. Chúng tôi đã sử dụng một phần tiền thu được để mua thêm lợi ích kinh tế trong Masan Consumer và ngân hàng Techcombank. Đợt phát hành cổ phiếu phổ thông quan trọng nhất diễn ra trong tháng 10 khi chúng tôi hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ cho Orchid Fund, một quỹ đầu tư thuộc sở hữu toàn phần của R.F. Chandler. Trong đợt này, chúng tôi đã phát hành 19.872.449 cổ phiếu và thu được 974 tỷ đồng tiền mặt.

Tài sản cố định

Vào ngày 31/12/2010, tài sản cố định đạt mức 8.262 tỷ đồng, tăng 14 lần từ mức 605 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009. Sự gia tăng này chủ yếu bắt nguồn từ thương vụ mua lại dự án Núi Pháo và sự mở rộng các nhà máy sản xuất nước chấm và mì ăn liền của Masan Consumer. Masan Group đã mua lại khoản chi phí phát triển dự án Núi Pháo hiện hữu là 2.009 tỷ đồng và ghi nhận các trữ lượng khoáng sản được đánh giá với tổng giá trị 5.007 tỷ đồng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tăng thêm 106,6% lên mức 8.100 tỷ đồng tính đến ngày 31/12/2010 từ mức 3.920 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009. Masan Group đã gia tăng lợi ích kinh tế của mình trong ngân hàng Techcombank lên 28,94% thông qua giao dịch đăng ký và mua trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.

Tổng tài sản

Tổng tài sản tăng thêm 201,1% từ mức 7.017 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009 lên mức 21.130 tỷ đồng vào ngày 31/12/2010, do kết quả của việc gia tăng lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank, ghi nhận các trữ lượng khoáng sản ở Núi Pháo và do sự gia tăng số dư tiền mặt của chúng tôi .

Các khoản vay

Tính đến ngày 31/12/2010, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đạt giá trị 6.125 tỷ đồng, chiếm 29,0% tổng tài sản. Trong các khoản vay này, chiếm chủ yếu là các đợt phát hành khoản vay chuyển đổi của Masan Group cho IFC và Goldman Sachs, hối phiếu nhận nợ gắn liền với thương vụ mua lại dự án Núi Pháo và các khoản vay tại Masan Consumer để tài trợ vốn hoạt động và vốn đầu tư tài sản cố định. Khoản vay có thể chuyển đổi một phần từ IFC có giá trị 760 tỷ đồng sẽ đến hạn vào tháng 4/2016. IFC có thể thực hiện quyền chọn để đổi 190 tỷ đồng trong giá trị gốc thành cổ phiếu phổ thông phát hành lần đầu của Masan Group vào bất cứ thời điểm nào từ tháng 5/2011 đến tháng 4/2016. Giá chuyển đổi đối với khoản vay này được dựa trên thu nhập năm 2010 của Masan Group và phụ thuộc vào những điều chỉnh khác được quy định trong thỏa thuận chính thức. Khoản vay chuyển đổi từ Goldman Sachs là khoản vay bằng USD với giá trị vốn gốc là 568 tỷ đồng. Khoản vay chuyển đổi này có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông phát hành lần đầu của Masan Group vào bất cứ thời điểm nào sau 2 năm tính từ tháng 12/2010 cho đến ngày đáo hạn vào tháng 12/2015.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu vào ngày 31/12/2010 là 10.624 tỷ đồng so với mức 4.762 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009, tương ứng với mức tăng 123,1% so với năm trước. Sự gia tăng vốn chủ sở hữu này chủ yếu bắt nguồn từ các khoản thu nhập tăng thêm của chúng tôi, cổ phiếu phổ thông đã phát hành và cổ phiếu sẽ được phát hành do việc tăng lợi ích kinh tế trong các công ty con và công ty liên kết.

Quyền lợi cổ đông thiểu số

Quyền lợi cổ đông thiểu số vào ngày 31/12/2010 tăng lên đến 1.525 tỷ đồng từ mức 307 tỷ đồng vào ngày 31/12/2009, chủ yếu là do cổ đông thiểu số chiếm tỷ lệ 20,0% ở Masan Resources.

THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN SO VỚI PRO FORMA

Pro forma, dù không phải là số liệu được kiểm toán, là kết quả dựa trên những số liệu đã được kiểm toán, và được điều chỉnh để thể hiện kết quả hoạt động ổn định và so sánh được qua nhiều giai đoạn. Những điều chỉnh này bao gồm sự giá định tỉ lệ lợi ích kinh tế của Masan Group đối với các công ty con và công ty liên kết vào cuối năm 2009 giống như tỉ lệ vào cuối năm 2010, đồng thời cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái cấu trúc sở hữu của Masan Group ở Techcombank và loại trừ khoản bất lợi thương mại liên quan đến giao dịch mua bán và sáp nhập dự án Núi Pháo.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH PRO FORMA

Thu nhập tài chính

Thu nhập tài chính pro forma tăng thêm 137,8% từ mức 160 tỷ đồng trong năm 2009 lên mức 381 tỷ đồng trong năm 2010. Mức

tăng này bắt nguồn chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng do số dư tiền mặt trong năm 2010 của chúng tôi cao hơn.

Lợi nhuận từ Công ty Liên kết

Lợi nhuận pro forma từ Công ty liên kết là 600 tỷ đồng trong năm 2010 và 492 tỷ đồng trong năm 2009 dựa trên giả định rằng Masan Group đã sở hữu 28,94% ngân hàng Techcombank kể từ ngày 1/1/2009. Trong năm, ngân hàng Techcombank đã báo cáo những kết quả vững chắc với mức tăng trưởng lợi nhuận thuần đạt 21,9%.

Lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần pro forma đạt 1.829 tỷ đồng, tăng 62,8% từ mức 1.124 tỷ đồng trong năm 2009. Khoản tăng này được đóng góp từ hiệu quả hoạt động bền vững của công ty Masan Consumer và ngân hàng Techcombank.

Trang này chủ ý chừa trắng

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Madhur Maini
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-B-2



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011



Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		4.626.838	2.441.831	1.636.159	671.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265
Tiền	111		1.155.118	523.616	1.037.261	364.265
Các khoản tương đương tiền	112		2.239.457	600.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn	120	12	490.000	776.000	-	296.000
Các khoản phải thu	130	6	314.209	282.936	592.463	9.105
Phải thu khách hàng	131		64.125	56.830	-	-
Trả trước cho người bán	132		83.966	68.714	4.692	-
Phải thu khác	135		166.823	159.284	587.771	9.105
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705)	(1.892)	-	-
Hàng tồn kho	140	7	290.200	199.466	-	-
Hàng tồn kho	141		296.547	237.288	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.347)	(37.822)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		137.854	59.813	6.435	2.260
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.131	3.950	262	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		118.872	47.678	5.877	2.257
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2	6.550	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.849	1.635	296	3

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tài sản dài hạn	200		16.502.700	4.575.263	18.672.990	6.430.811
Tài sản cố định	220		8.261.999	605.360	2.039	-
Tài sản cố định hữu hình	221	8	561.229	465.483	251	-
<i>Nguyên giá</i>	222		777.268	597.478	269	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(216.039)	(131.995)	(18)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	11.686	14.096	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		16.871	16.871	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.185)	(2.775)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	72.564	72.865	219	-
<i>Nguyên giá</i>	228		85.882	82.688	234	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.318)	(9.823)	(15)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.616.520	52.916	1.569	-
Đầu tư dài hạn	250	12	8.099.909	3.919.827	18.661.978	6.430.811
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.099.909	3.919.827	8.103.981	4.084.496
Tài sản dài hạn khác	260		140.792	50.076	8.973	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	70.771	11.885	8.730	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	49.154	25.420	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		17.295	8.603	243	-
Lợi thế thương mại	269	15	3.572	4.168	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		21.129.538	7.017.094	20.309.149	7.102.441

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

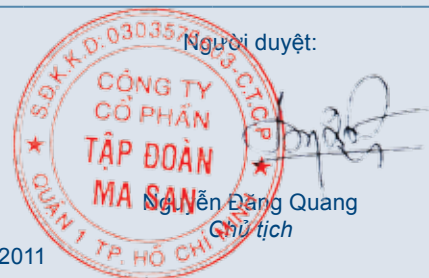
	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.981.050	1.947.555	3.138.393	650.579
Nợ ngắn hạn	310		3.224.917	1.210.937	1.180.433	20.579
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.124.674	687.260	-	-
Phải trả khách hàng	312		443.583	267.168	20.728	4.525
Người mua trả tiền trước	313		7.997	11.267	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	152.842	77.417	1.360	85
Phải trả nhân viên	315		5.395	148	27	-
Chi phí phải trả	316	18	502.838	163.590	175.667	15.969
Phải trả khác	319	19	987.588	4.087	982.651	-
Vay và nợ dài hạn	330		5.756.133	736.618	1.957.960	630.000
Vay và nợ dài hạn	334	20	5.000.560	734.723	1.957.960	630.000
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335	14	751.021	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	4.552	1.895	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.623.685	4.762.088	17.170.756	6.451.862
Vốn chủ sở hữu	410		10.623.685	4.762.088	17.170.756	6.451.862
Vốn cổ phần	411	22	5.152.723	4.853.998	5.152.723	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.166.136	1.421.817	2.166.136	1.421.817
Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	9.651.713	-	9.651.713	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.189	-	-	-
Vốn khác	419	4	(9.062.082)	(1.947.256)	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	(1.178)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.712.006	434.707	200.184	176.047
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.524.803	307.451	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		21.129.538	7.017.094	20.309.149	7.102.441

Người lập:

Luhah

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng doanh thu	01	24	5.689.498	4.078.147	-	-
Các khoản giảm trừ	02	24	(103.211)	(120.333)	-	-
Doanh thu thuần	10	24	5.586.287	3.957.814	-	-
Giá vốn hàng bán	11	25	(3.194.617)	(2.583.876)	-	-
Lợi nhuận gộp	20		2.391.670	1.373.938	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.620.919	160.292	255.443	226.961
Chi phí tài chính	22	27	(270.277)	(103.130)	(169.015)	(43.740)
Chi phí bán hàng	24		(951.265)	(636.751)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(213.732)	(105.287)	(62.291)	(12.121)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			2.577.315	689.062	24.137	171.100
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	19.370	18.632	-	4.447
Chi phí khác	32	29	(11.162)	(22.778)	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	30	160.598	48.010	-	-
Lợi nhuận trước thuế	50		2.746.121	732.926	24.137	175.547
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	31	(140.638)	(73.130)	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	31	23.734	19.722	-	-
Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau)	60		2.629.217	679.518	24.137	175.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần (mang từ trang trước sang)			2.629.217	679.518	24.137	175.547
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		346.178	262.944	-	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		2.283.039	416.574	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70	32	4.635	2.677	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VNĐ	70	32	4.243	2.675	-	-

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tập đoàn

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty		Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
								Triệu VNĐ	Triệu VNĐ		
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	32.000	-	-	-	227.892	(1.391)	213.319	471.820	400.974	872.794	
Tăng vốn chủ sở hữu giá định	-	-	-	-	6.670	-	-	6.670	6.071	12.741	
Công ty con công bố cổ tức (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) dưới hình thức trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành và tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(200.252)	(200.252)	(182.310)	(382.562)	
Việc mua lại giá định từ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	10.979	(168)	8.338	19.149	(19.149)	-	
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	
Mua từ lợi ích cổ đông thiểu số sau tái cấu trúc tập đoàn (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(933.496)	-	-	(933.496)	(154.046)	(1.087.542)	
Mua lại lợi ích từ cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	(528)	-	-	(528)	(5.472)	(6.000)	
Vốn cổ phần đã phát hành	4.821.998	1.421.817	-	-	-	-	-	6.243.815	-	6.243.815	
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu do việc mua lại các công ty con chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(1.258.773)	-	-	(1.258.773)	-	(1.258.773)	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	416.574	416.574	262.944	679.518	
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.272	(3.272)	-	-	-	
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.891)	-	(2.891)	(2.561)	(5.452)	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.853.998	1.421.817	-	-(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539		

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Quý khen thưởng và phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	-	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong một công ty con tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	-	-	1.927.839	1.927.839
Mua lợi ích cổ đông thiểu số từ các công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(7.101.647)	-	-	(7.101.647)	(1.109.679)	(8.211.326)
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23)	-	-	9.651.713	-	-	-	-	9.651.713	-	9.651.713
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc một công ty con phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(13.179)	-	-	(13.179)	53.179	40.000
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 22)	298.725	744.319	-	-	-	-	-	1.043.044	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.283.039	2.283.039	346.178	2.629.217
Phân bổ quý khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	5.740	(5.740)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.414)	-	(2.414)	13	(2.401)
Phân loại lại thành nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	(2.148)	-	(2.148)	(975)	(3.123)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty con	-	-	-	3.189	-	-	-	3.189	797	3.986
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	-	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ RIÊNG HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	32.000	-	-	500	32.500
Vốn cổ phần đã phát hành	4.821.998	1.421.817	-	-	6.243.815
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	175.547	175.547
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.853.998	1.421.817	-	176.047	6.451.862
Vốn cổ phần đã phát hành	298.725	744.319	-	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.137	24.137
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	9.651.713	-	9.651.713
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.152.723	2.166.136	9.651.713	200.184	17.170.756

Người lập:

Lehal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		2.746.121	732.926	24.137	175.547
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		104.599	71.346	1.038	-
Các khoản dự phòng	03		11.032	39.529	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.203)	-	(1.203)	(30)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		547	523	-	-
Thu nhập từ bán cổ phiếu đầu tư	05		-	(53.454)	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(357.405)	(93.571)	(237.919)	(226.931)
Chi phí lãi vay	06		233.629	88.976	147.634	43.740
Bất lợi thương mại	07		(1.239.714)	-	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(160.598)	(48.010)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.337.008	738.265	(66.313)	(7.674)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(44.579)	32.870	(480.918)	29.710
Biến động hàng tồn kho	10		(98.509)	(54.221)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		343.745	237.547	34.709	6.924
			1.537.665	954.461	(512.522)	28.960
Tiền lãi vay đã trả	13		(105.384)	(74.777)	(19.715)	(30.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(92.865)	(70.260)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.414)	(5.452)	-	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		1.337.002	803.972	(532.237)	(1.129)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(851.009)	(411.673)	(2.072)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.394	229	-	-
Tiền thu hồi khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		50.000	250.000	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ thành viên của Hội Đồng Quản Trị của công ty con	23		-	5.000	-	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23		(806.200)	(58.543)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	23		806.200	56.714	-	-
Khoản vay cấp cho cá nhân	23		(130.250)	(105.915)	-	-
Tiền thu hồi từ các khoản vay cấp cho cá nhân	23		130.250	105.915	-	-
Gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(6.211.858)	(726.000)	-	(296.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		6.447.858	-	296.000	-
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		(596.449)	-	(596.449)	-
Tiền thuần thu được từ việc mua công ty con	25	4	4.515	-	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25		(1.000.000)	(331.000)	(1.000.356)	(225.000)
Tiền thu từ việc bán khoản đầu tư dài hạn	26		128.539	14.282	-	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		251.981	68.403	131.061	5.177
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(1.773.029)	(1.132.588)	(1.171.816)	(515.823)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.057.621	1.163.425	1.057.621	1.150.683
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		40.000	1.000	-	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33		3.322.805	2.493.524	1.344.850	630.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.688.018)	(2.303.186)	-	(900.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(10)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(9.735)	-	(9.735)	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		2.722.673	1.354.753	2.392.736	880.683
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.286.646	1.026.137	688.683	363.731
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.123.616	97.479	364.265	504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(15.687)	-	(15.687)	30
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	Tập đoàn		Công ty	
	2010	2009	2010	2009
Chi phí đầu tư bằng phát hành nợ	2.855.764	900.000	-	900.000
Chi phí đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	9.651.713	-	9.651.713	-
Cổ tức được công ty con trả dưới hình thức trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành	-	382.551	-	-
Thanh lý tài sản cố định bằng cách cần trừ các khoản phải trả khách hàng	2.799	-	-	-
Chi phí của đầu tư dài hạn do Công ty nhận được thông qua hình thức góp vốn từ các cổ đông	-	5.093.132	-	5.093.132
Góp vốn vào công ty con thông qua các khoản đầu tư dài hạn	-	732.464	-	732.464
Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ các khoản phải thu từ công ty mẹ	-	400.000	-	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác chưa nhận được	-	128.539	-	-

Người lập:

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế	
		31/12/2010	31/12/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tư vấn quản lý	100%	(*)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược	Tư vấn quản lý	100%	(*)
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	100%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Kinh doanh và phân phối	86.6%	72.8%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86.6%	72.8%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	-	(**)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	86.6%	72.8%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86.6%	72.8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	81.8%	68.8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	86.6%	72.8%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	80%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	80%	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác quặng	80%	-

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Theo đó, Công ty có quyền kiểm soát đối với các công ty này.

(**) Vào tháng 5 năm 2010, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen đã sáp nhập hoạt động kinh doanh với Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và đã thời tồn tại.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm các lợi ích kinh tế của Công ty trực tiếp và gián tiếp thực tế trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 25 nhân viên (31/12/2009: 4 nhân viên) và Tập đoàn có 5.284 nhân viên (31/12/2009: 5.079 nhân viên).

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11- Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01- Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn đã được trình bày để phản ánh tình trạng của các công ty được hợp nhất vào các ngày tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(ii) *Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)*

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(iii) *Công ty con*

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) *Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(v) *Lợi ích của cổ đông thiểu số*

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(h) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bằng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(q) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Trong năm, Công ty ký kết các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày nhất định trong tương lai để mua các tài sản. Theo các thỏa thuận này, sẽ không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác và các công cụ này sẽ không làm giảm các nguồn lực kinh tế của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty xem xét các quy định kế toán hiện hành để xác định phương pháp hạch toán cho các công cụ này. Tập đoàn và Công ty cũng đã xem xét các quy định kế toán liên quan khác ở các vùng lãnh thổ khác và Thông tư số 210/2009/TT-BTC phát hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 có hiệu lực đối với các niên độ tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Theo các hướng dẫn và thông tư trên, các giao dịch này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn và Công ty không áp dụng sớm Thông tư 210. Tuy nhiên, dựa theo những hướng dẫn này, Tập đoàn và Công ty đã áp dụng chính sách kế toán đó để ghi nhận các công cụ này vào Vốn khác trong chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu để hạch toán kế toán đem lại tính so sánh và đồng nhất cho các báo cáo tài chính trong tương lai theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung*.

(iii) *Vốn khác*

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích. Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận trước đây là thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu thu được. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC , yêu cầu cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập. Việc thay đổi chính sách kế toán do những thay đổi về các quy định về kế toán không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính (tiếp theo)

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền được giữ bởi Công ty và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản đầu tư mà Công ty ký kết và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay đã được Công ty giải ngân và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(x) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Thực phẩm và nước chấm		Khai thác khoáng sản	Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2010	2009		2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Doanh thu của bộ phận	5.586.287	3.957.814	-	-	-	5.586.287	3.957.814
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.391.670	1.373.938	-	-	-	2.391.670	1.373.938
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.359.160	730.645	(6.448)	160.598	48.010	1.513.310	778.655
Chi phí không phân bổ						(89.382)	(12.124)
Doanh thu hoạt động tài chính						1.476.077	14.281
Chi phí tài chính						(162.092)	(43.740)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ công ty liên kết)						2.737.913	737.072
Thu nhập khác						19.370	18.632
Chi phí khác						(11.162)	(22.778)
Chi phí thuế thu nhập						(116.904)	(53.408)
Lợi nhuận thuần						2.629.217	679.518

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Thực phẩm và nước chấm		Khai thác khoáng sản	Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2010	31/12/2009		31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tài sản của bộ phận	4.323.096	2.400.230	7.505.579	8.099.909	3.919.827	19.928.584	6.320.057
Tài sản không phân bổ						1.200.954	697.037
Tổng tài sản						21.129.538	7.017.094
Nợ phải trả của bộ phận	1.953.995	1.296.976	279.557	-	-	2.233.552	1.296.976
Nợ phải trả không phân bổ						6.747.498	650.579
Tổng nợ phải trả						8.981.050	1.947.555
	2010	2009	2010	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Mua sắm tài sản cố định	472.845	411.673	376.092	-	-	848.937	411.673
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	98.916	54.963	568	-	-	99.484	54.963
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.262	2.244	219	-	-	3.481	2.244

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

(a) Việc mua công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, Công ty mua lại quyền kiểm soát Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (NPV), trước đây là một liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Để đổi lấy quyền sở hữu 70% của bên bán trong NPV và việc chuyển giao khoản vay 1.537 tỷ VNĐ của bên bán cho NPV, nhà đầu tư nước ngoài cùng với các công ty liên quan của họ (gọi chung là "bên bán chính") đã nhận được một quyền mua 29.770.465 cổ phiếu phổ thông của Công ty (xem thuyết minh 4 (a)(iii) dưới đây đối với các điều khoản của quyền chọn) (khoảng 5,5% tổng số cổ phiếu phổ thông sau khi tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm cuối năm) và hối phiếu nhận nợ có thể được sử dụng để thực hiện quyền chọn nói trên hoặc được thanh toán bằng tiền mặt (xem thuyết minh 4 (a)(i) dưới đây đối với các điều khoản của hối phiếu nhận nợ). Bên bán chính cũng giữ lại một quyền sở hữu gián tiếp trong NPV thông qua việc nắm giữ 20% quyền chủ sở hữu trong Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San (MR), một công ty con mới thành lập vào năm 2010 để giữ quyền sở hữu ở NPV thông qua công ty con hoàn toàn thuộc sở hữu của công ty này, Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (MR -TN). Tập đoàn sở hữu 80% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại trong MR.

Việc sở hữu 20% của bên bán chính trong MR có thể được điều chỉnh trong khoảng giữa 15% và 35% theo giá của paratungstate amoni (sản phẩm sơ chế của vonfram) (xem thuyết minh 4 (a)(v) đối với các điều khoản của thỏa thuận). Một mức giá cao hơn sẽ làm tăng dần dần quyền sở hữu của bên bán chính trong MR và ngược lại. Thêm vào đó, Tập đoàn đã nhận được một quyền chọn mua để mua lại tất cả các quyền sở hữu của bên bán chính trong MR (bao gồm cả các cổ phiếu có thể có trong MR do kết quả của sự điều chỉnh nói trên) trong vòng ba năm kể từ ngày quyền chọn mua được ký kết bằng một khoản tiền mặt. Vào cuối năm thứ ba, nếu Tập đoàn không thực hiện quyền chọn mua, bên bán chính sẽ có quyền chọn bán trong vòng một tháng để bán toàn bộ quyền sở hữu của họ trong MR cho Tập đoàn để đổi lấy cổ phiếu phổ thông của Công ty (xem thuyết minh 4 (a)(iv) đối với các điều khoản của quyền chọn mua và quyền chọn bán).

Để thực hiện việc giao dịch trên, cùng với MR, hai công ty quản lý vốn đầu tư mới khác đã được thành lập trong năm 2010 bao gồm: Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San (MHC) và MR-TN. MHC được sở hữu toàn bộ bởi Công ty và là Công ty phát hành hối phiếu nhận nợ cho bên bán chính. Tại ngày 23 tháng 9 năm 2010, MHC có 80% quyền sở hữu trong MR. MR sở hữu 100% MR-TN và MR-TN trực tiếp sở hữu 85% NPV, bao gồm 15% quyền sở hữu mua trước ngày giao dịch này.

Một số điều khoản thương mại chính của việc giao dịch trên ảnh hưởng đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

(i) **MHC phát hành hối phiếu nhận nợ** - Các hối phiếu nhận nợ được phát hành bởi MHC và là các nghĩa vụ không có đảm bảo và không có khả năng truy đòi đối với Công ty. Các hối phiếu nhận nợ được trả cho bên bán chính vào các ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 với số tiền là 237.980 triệu VNĐ và 2.617.784 triệu VNĐ tương ứng (xem phần thuyết minh 20j).

(ii) **Tiền** – Công ty đã trả 2.512 triệu VNĐ như một phần của giao dịch.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (TIẾP THEO)

(a) Việc mua công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (tiếp theo)

Thương vụ này có ảnh hưởng đối với tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua	Các điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.027	-	7.027
Các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	28.140	-	28.140
Tài sản cố định	5.327	-	5.327
Tài sản ngắn hạn khác	8.174	-	8.174
Trữ lượng khoáng sản	2.009.395	5.006.805	7.016.200
Các khoản vay	(233.689)	-	(233.689)
Nợ phải trả ngắn hạn	(53.703)	-	(53.703)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(751.021)	(751.021)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được	1.770.671	4.255.784	6.026.455

Lợi ích mua được trong tài sản thuần	4.097.990
Khoản thanh toán cho việc mua	(2.858.276)
Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua NPV	1.239.714

Chi phí mua bao gồm:

Hối phiếu nhận nợ đã phát hành (Thuyết minh 20(j))	2.855.764
Tiền mặt đã trả	2.512
Khoản thanh toán cho việc mua	2.858.276

Khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần xác định được với chi phí mua là 1.239.714 triệu VNĐ được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ảnh hưởng lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

Tiền thu được	7.027
Tiền chi trả	(2.512)
Tiền thuần thu được	4.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (TIẾP THEO)

(a) Việc mua công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (tiếp theo)

Dưới đây là các thông tin tài chính và các điều khoản thương mại chính của các công cụ tài chính phát hành cho Bên bán chính như một phần của chi phí mua. Theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các công cụ tài chính này không được ghi nhận trên báo cáo tài chính.

(iii) **Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông của Công ty** - Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn mua 1.962 tỷ VNĐ cổ phiếu của Công ty với giá 65.915 VNĐ mỗi cổ phiếu, tương đương 29.770.465 cổ phiếu của Công ty. Quyền chọn mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc cần trừ bằng hối phiếu nhận nợ đã được MHC phát hành cho bên bán chính (xem phần thuyết minh 4 (a)(i) và 20j). Bên bán chính có thể thực hiện quyền chọn này từ năm thứ ba đến năm thứ năm tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2010. Công ty có thể yêu cầu bên bán chính thực hiện việc chuyển đổi khi giá cổ phiếu của Công ty đạt mức 65.915 VNĐ trong 15 ngày liên tục, khi đó Công ty có thể trả hối phiếu nhận nợ phát hành cho bên bán chính hoặc là yêu cầu bên bán chính thực hiện quyền chọn.

(iv) **Quyền chọn mua và quyền chọn bán cổ phiếu của MR** – bên bán chính nắm giữ 20% lợi ích vốn chủ sở hữu của MR sau giao dịch trên và phát hành cho Tập đoàn quyền chọn mua toàn bộ phần sở hữu này bằng tiền mặt trong vòng ba năm. Giá mua được xác định theo từng quý trong vòng ba năm và dao động từ 1.164 tỷ VNĐ đến 1.710 tỷ VNĐ. Đổi lại, Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn bán toàn bộ phần sở hữu của bên bán chính trong MR để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với số tiền là 1.710 tỷ VNĐ trong vòng một tháng sau khi kết thúc giai đoạn ba năm kể trên tại mức giá 65.915 VNĐ mỗi cổ phiếu.

(v) **Điều chỉnh quyền sở hữu trong MR** - Tập đoàn ký một thỏa thuận với bên bán chính trong đó quy định Tập đoàn sẽ cho bên bán chính tối đa là 15% trong 80% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Tập đoàn nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram tăng trên mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Đổi lại, bên bán chính sẽ cho Tập đoàn tối đa 5% trong 20% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của bên bán chính nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram giảm dưới mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Thỏa thuận này có thể được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán của NPV được phát hành cho năm sau năm mà NPV sản xuất hơn 300.000 tấn chứa vonfram trioxit. Bất kỳ sự điều chỉnh tiềm tàng nào trong vốn chủ sở hữu của MR sẽ được bao gồm trong quyền chọn mua và các quyền chọn bán như mô tả trong thuyết minh số 4 (a)(iv), mà không có bất kỳ điều chỉnh cho giá phí để thực hiện các quyền chọn trên.

(b) Việc mua lợi ích cổ đông thiểu số trong công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2010, Công ty đã mua lại 100% quyền sở hữu Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên, mà công ty này giữ 15% quyền sở hữu trong NPV và chuyển giao công ty mua được này cho công ty con của Công ty là MR-TN. Đổi lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 22.629.310 cổ phiếu phổ thông trong vòng hai năm sau ngày hoàn tất giao dịch (khoảng 4,0% tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm đó, bao gồm cả cổ phiếu phát hành cho bên bán chính theo quyền chọn mua được mô tả trong thuyết minh số 4 (a)(iii)). Căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu của Công ty là 53.000 VNĐ/ cổ phiếu vào ngày hoàn tất giao dịch, chi phí mua được ghi nhận là 1.199.353 triệu VNĐ. Việc mua này dẫn đến kết quả Tập đoàn có 80% quyền sở hữu thực tế trong NPV tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (TIẾP THEO)

(b) Việc mua lợi ích thiểu số trong công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (tiếp theo)

Việc mua này có ảnh hưởng như sau:

	Triệu VNĐ
Chi phí mua	1.199.353
Tài sản thuần mua được	(722.931)
Các chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	476.422

	Triệu VNĐ
Chi phí mua bao gồm:	
Công cụ vốn chủ sở hữu đã phát hành	1.199.353

Khi xem xét các sự kiện đã trình bày trong thuyết minh 4(a) và 4(b), giả sử quyền chọn mua được trình bày trong thuyết minh 4 (a)(iii) được thực hiện bằng việc thanh toán các hối phiếu nhận nợ, Công ty đã phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu tương đương với 9,2% quyền sở hữu trong tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Để đổi lấy các công cụ vốn chủ sở hữu này của Công ty và 2.512 triệu VNĐ bằng tiền, Công ty mua được 80% lợi ích kinh tế thực tế trong NPV, bao gồm cả quyền chọn mua và quyền chọn bán được mô tả trong thuyết minh 4 (a)(iv) và phụ thuộc vào sự điều chỉnh trong thuyết minh 4 (a)(v).

(c) Sự kiện sau niên độ của MR và NPV

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, một nhà đầu tư đã ký kết một thỏa thuận với MR để đầu tư khoản tiền VNĐ tương đương 100 triệu Đô la Mỹ cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới của MR, đại diện cho 20% quyền sở hữu. Được xem là một sự kiện sau niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, giao dịch này được kết thúc vào ngày 16 tháng 3 năm 2011. Là một phần của giao dịch, MHC đầu tư 487.500 triệu VNĐ trong MR cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới với mức giá đầu tư ngang giá. Kết quả là, quyền sở hữu của Tập đoàn trong MR bị suy giảm từ 80% xuống 65%. Công ty cũng cấp cho một nhà đầu tư một quyền chọn bán để bán 20% quyền sở hữu trong MR cho Công ty để đổi lấy cổ phiếu của Công ty nếu MR không được niêm yết trên một sàn giao dịch được quốc tế công nhận trong vòng 4,5 năm sau ngày giao dịch kết thúc. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong trường hợp quyền chọn bán được thực hiện sẽ được tính dựa trên giá giao dịch của cổ phần của Công ty và số cổ phiếu này cho phép các nhà đầu tư đạt được mức tỷ suất sinh lời nội bộ hàng năm là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (TIẾP THEO)

(c) Sự kiện sau niên độ của MR và NPV (tiếp theo)

Sau niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và liên quan đến việc tài trợ vốn vay cho dự án mỏ quặng, vào ngày 22 tháng 1 năm 2011, NPV ký kết một thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam với khoản tín dụng có đảm bảo lên đến 2.377 tỷ VNĐ trong vòng 8 năm. Vào ngày 28 tháng 3 năm 2011, NPV cũng đã ký một thỏa thuận tín dụng với một nhóm các ngân hàng đồng tài trợ trong nước với khoản tín dụng có đảm bảo lên đến 90 triệu Đô la Mỹ. Cả hai khoản tín dụng này đều sử dụng để phát triển dự án mỏ quặng của Núi Pháo.

(d) Việc mua lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% quyền sở hữu trực tiếp trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (MFC) mà sau đó bị suy giảm còn 70,6% do việc chi trả bằng cổ phiếu cho nhân viên.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2010, Công ty mua lại 100% quyền biểu quyết và tất cả các lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược, các công ty đầu tư mới được thành lập, mỗi công ty nắm giữ 8% cổ phiếu của MFC. Đổi lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 88.411.350 cổ phiếu phổ thông mới của Công ty (khoảng 14,7% tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm đó) trước ngày 24 tháng 6 năm 2014 được xác định trị giá là 6.012 tỷ VNĐ và đã thanh toán 400 tỷ đồng bằng tiền mặt. Lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong MFC tăng từ 70,6% đến 86,6%. Công ty cũng đã trả 600 tỷ VNĐ, bao gồm giá mua, để tham gia vào một hợp đồng hoán đổi để bảo hiểm lợi ích kinh tế trong giao dịch này. Các hợp đồng hoán đổi này cho phép Công ty nhận được khoản tiền lên đến 2.609 tỷ VNĐ bằng tiền mặt trong 3,5 năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của MFC từ năm 2011-2013. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này được tính dựa trên 13 lần lợi nhuận kế hoạch năm 2011 của MFC nhưng chỉ dao động từ 1.538 tỷ VNĐ đến 2.000 tỷ VNĐ và tăng lên đến 15 lần khi lợi nhuận của MFC tăng từ 30% hoặc cao hơn vào các năm 2011 và 2012. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này là tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì khoản phải thu là không chắc chắn.

Việc mua này có các ảnh hưởng như sau:

	Triệu VNĐ
Chi phí mua	7.011.972
Tài sản thuần mua được	(386.747)
Các chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	6.625.225

	Triệu VNĐ
Chi phí mua bao gồm:	
Công cụ vốn chủ sở hữu đã phát hành	6.011.972
Tiền đã trả	1.000.000
	7.011.972

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (TIẾP THEO)

(d) Việc mua lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (tiếp theo)

Trong năm, ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới của MFC mà tập đoàn không đăng ký mua được thể hiện như sau:

	Triệu VNĐ
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng kí mua	(29.134)
Tài sản thuần suy giảm	42.313
Chênh lệch được ghi nhận trong các vốn khác	13.179

Các biến động quỹ khác như sau:

	Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	(1.947.256)
Mua lợi ích cổ đông thiểu số trong NPV	(476.422)
Mua lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	(6.625.225)
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	(13.179)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	(9.062.082)

(e) Giao dịch trong năm 2009

Tại ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tham gia vào tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ nắm giữ 54,8% của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San, mà sau đó công ty này trở thành công ty con. Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San trực tiếp sở hữu và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan. Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan trực tiếp trực tiếp sở hữu và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen. Phản ánh sự thay đổi trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển 54,8% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San cho Công ty để đổi lại Công ty đã phát hành 125.877.284 cổ phiếu phổ thông của Công ty cho công ty mẹ, và ghi nhận vào vốn chủ sở hữu số tiền là 1.258.773 triệu VNĐ và ghi nợ vào vốn khác số tiền là 1.258.773 triệu VNĐ.

Sau đó, Công ty mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bằng cách phát hành 56.002.964 cổ phiếu có giá trị 1.087.542 triệu VNĐ. Giá trị thuần của tài sản xác định được là 154.046 triệu VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền mặt	1.448	1.203	59	189
Tiền gửi ngân hàng	1.153.670	522.236	1.037.202	364.076
Tiền đang chuyển	-	177	-	-
Các khoản tương đương tiền	2.239.457	600.000	-	-
	3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương ứng xấp xỉ là 532.095 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.666 triệu VNĐ) và 527.493 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.198 triệu VNĐ).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn tương đương 10.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.102 triệu VNĐ) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Việt Tiến và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, là các công ty con của Công ty.

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi	38.159	29.067	521	9.075
Phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt	-	128.539	-	-
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	109.623	517	586.710	30
Phải thu khác	19.041	1.161	540	-
	166.823	159.284	587.771	9.105

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP THEO):

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại	109.561	517	109.561	30
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại	62	-	477.149	-

Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác là khoản cho vay không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được thu theo yêu cầu.

Biến động dự phòng các khoản phải thu như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	1.892	515	-	-
Tăng dự phòng trong năm	3.257	1.377	-	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.444)	-	-	-
Số dư cuối năm	705	1.892	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	40.210	15.681	-	-
Nguyên vật liệu	143.566	145.202	-	-
Công cụ và dụng cụ	392	496	-	-
Sản phẩm dở dang	54.965	48.365	-	-
Thành phẩm	57.414	27.544	-	-
	296.547	237.288	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.347)	(37.822)	-	-
	290.200	199.466	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>
	2010	2010
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	37.822	-
Tăng dự phòng trong năm	7.775	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(39.250)	-
Số dư cuối năm	6.347	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị sổ sách là 20.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 31.049 triệu VNĐ) và 2.500.000 Đô la Mỹ được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan. Hàng tồn kho và khoản phải thu thương mại của Tập đoàn với giá trị tổng cộng là 10.000.000 Đô la Mỹ cũng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tập đoàn

	Nhà cửa và cấu trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	124.455	1.175	16.317	439.340	16.191	597.478
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	1.040	1.057	2.509	4.606
Tăng trong năm	4.714	-	5.745	57.531	10	68.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	54.506	6.399	599	51.757	-	113.261
Thanh lý	(601)	(926)	(234)	(4.198)	(118)	(6.077)
Phân loại lại	(477)	-	(441)	1.616	(698)	-
Số dư cuối năm	182.597	6.648	23.026	547.103	17.894	777.268

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	14.824	675	4.632	103.460	8.404	131.995
Khấu hao trong năm	9.616	2.239	4.611	67.440	2.290	86.196
Thanh lý	(477)	(746)	(70)	(764)	(95)	(2.152)
Phân loại lại	(396)	-	(112)	448	60	-
Số dư cuối năm	23.567	2.168	9.061	170.584	10.659	216.039

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	109.631	500	11.685	335.880	7.787	465.483
Số dư cuối năm	159.030	4.480	13.965	376.519	7.235	561.229

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản trị giá 17.205 triệu VNĐ được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 7.946 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị là 227.540 triệu VNĐ (31/12/2009: 93.843 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn. Tham chiếu mục Thuyết minh 16(c), 16(d), 16(i), 20(a), 20(b), 20(c), 20(d), 20(e), 20(f) và 20(h), một số tài sản cố định khác sẽ được thế chấp để đảm bảo những khoản vay trên khi những khoản vay này được giải ngân, danh sách tài sản thế chấp sẽ được gửi kèm cho bên cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 11.365 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 9.269 triệu VNĐ).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 28.107 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 429 triệu VNĐ).

Công ty

Trong năm 2010, Công ty đã mua thiết bị văn phòng có giá trị là 269 triệu VNĐ. Giá trị khấu hao trong năm là 18 triệu VNĐ. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty là 251 triệu VNĐ.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị
	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	16.871
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.775
Khấu hao trong năm	2.410
Số dư cuối năm	5.185
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	14.096
Số dư cuối năm	11.686

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Nhãn hiệu	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	77.611	4.531	546	82.688
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	720	-	720
Tăng trong năm	-	2.274	-	2.274
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	200	200
Số dư cuối năm	77.611	7.525	746	85.882

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	8.349	1.338	136	9.823
Khấu hao trong năm	1.717	1.596	182	3.495
Số dư cuối năm	10.066	2.934	318	13.318

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	69.262	3.193	410	72.865
Số dư cuối năm	67.545	4.591	428	72.564

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 39.859 triệu VNĐ (31/12/2009: 40.902 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty

Trong năm 2010, Công ty mua phần mềm vi tính với trị giá 234 triệu VNĐ. Giá trị khấu hao trong năm là 15 triệu VNĐ. Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 219 triệu VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>
	2010	2010
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	52.916	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	7.016.200	-
Tăng trong năm	660.865	1.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(113.261)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(200)	-
Số dư cuối năm	7.616.520	1.569

Theo trình bày trong Thuyết minh 4, vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn đã mua Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Núi Pháo, mà công ty này sở hữu một trữ lượng khoáng sản. Dựa theo báo cáo định giá của trữ lượng khoáng sản này, do một công ty định giá độc lập thẩm định tại ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn ước tính giá trị của trữ lượng khoáng sản là 7.016.200 triệu VNĐ. Ban Giám đốc tin rằng khoản định giá này đã phản ánh một ước tính hợp lý giá trị của trữ lượng khoáng sản tại ngày mua. Sau ngày mua, phát sinh thêm các chi phí cho việc phát triển khai thác khoáng sản.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vốn vào công ty con	-	-	10.557.997	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	8.099.909	3.919.827	8.103.981	4.084.496
	8.099.909	3.919.827	18.661.978	6.430.811
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	490.000	726.000	-	296.000
Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn	-	50.000	-	-
	490.000	776.000	-	296.000

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	8.400.824	1.388.851
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.464
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.000
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	-
	10.557.997	2.346.315

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Đồng Tiền	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Thực Dược	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Lầu 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Chi tiết các công ty con hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo):

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San HD	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

(a) Khoản đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Đến cuối tháng 11 năm 2010, khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 19,88% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"), mà đã bị suy giảm trong năm từ 19,99% tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do chi trả bằng cổ phiếu cho người lao động. Trong nửa sau của năm 2010, Techcombank chuẩn bị phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Trong tháng 12 năm 2010, Công ty đăng ký và mua 19.464.491 trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành, trong đó có 13.500.000 trái phiếu đã được mua lại từ các trái chủ khác và 5.964.491 trái phiếu được đăng ký mua trực tiếp bởi Công ty. Đổi lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 32.538.500 cổ phiếu phổ thông của Công ty sẽ được phát hành chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, với trị giá là 2.440.387 triệu VNĐ. Công ty cũng đã trả 596 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 và 900 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 3 năm 2011. Công ty cũng đồng ý với Techcombank là sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông của Techcombank trong vòng một năm ngay sau tháng 12 năm 2015 một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Kết quả của các thỏa thuận này là Tập đoàn sẽ không nhận được khoản chi tiền mặt nào của phần nợ gốc và lãi của các trái phiếu nhưng Tập đoàn được quyền hưởng cổ phiếu tài sản thuần của Techcombank mà các công cụ tài chính này đã thể hiện. Kết quả là, Tập đoàn đã tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên 28,94%: 19,88% được duy trì bằng 5.964.491 trái phiếu và các thỏa thuận chuyển đổi tương ứng mà Công ty trực tiếp mua và 9% tăng thêm do 13.500.000 trái phiếu và các thỏa thuận chuyển đổi tương ứng mua từ các trái chủ khác.

Công ty ký một hợp đồng hoán đổi để giảm thiểu rủi ro về lợi ích kinh tế trong giao dịch này. Hợp đồng hoán đổi này cho phép Công ty được nhận tiền mặt lên đến 1.116 tỷ VNĐ trong vòng 18 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2010 tùy thuộc vào kết quả hoạt động của Techcombank trong năm 2011.

Được xem là một sự kiện sau niên độ, vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết một thỏa thuận để mua thêm 2.834.402 trái phiếu từ các trái chủ khác và đã đồng ý sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Giá mua bao gồm tiền mặt là 17.352 triệu VNĐ, phải trả trong vòng sáu tháng, và một thỏa thuận phát hành 10.814.545 cổ phiếu phổ thông của Công ty trong thời hạn 18 tháng bắt đầu từ ngày 10 tháng 1 năm 2011. Kết quả là, lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong Techcombank đã tăng lên 30,84% vào ngày phát hành các báo cáo tài chính này.

Được xem là một sự kiện sau niên độ, vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty ký một hợp đồng hoán đổi khác để nhận được tiền mặt, trong 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, số tiền lên đến 234.357 triệu VNĐ tùy thuộc vào kết quả hoạt động của Techcombank trong năm 2011. Tổng cộng, Công ty đã trả 100 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 3 năm 2011 cho các hợp đồng hoán đổi trên. Các khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi thay đổi theo lợi nhuận của Techcombank. Khoản phải thu trên hợp đồng hoán đổi này được tính dựa trên khoảng 11 lần lợi nhuận kế hoạch của Techcombank, nhưng chỉ dao động từ 1.818 tỷ VNĐ đến 2.727 tỷ VNĐ. Các khoản phải thu cho các hợp đồng hoán đổi trên là các tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì các khoản phải thu là không chắc chắn.

Tổng hợp các sự kiện sau niên độ, tổng số tiền mà Công ty đã trả cho việc tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên đến 30,84% bao gồm tiền mặt là 1.496 tỷ VNĐ đã trả cho trái phiếu, 100 tỷ VNĐ cho các hợp đồng hoán đổi và thỏa thuận phát hành 43.353.045 cổ phiếu phổ thông của Công ty (khoảng 7,8% tổng số cổ phần phổ thông có thể tăng thêm mà đang lưu hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010) có giá trị khoảng 3.251 tỷ VNĐ. Thông qua các thỏa thuận hoán đổi này, Công ty có thể nhận được một số tiền lên đến 1.351 tỷ VNĐ trong vòng 18 tháng sau khi kết thúc việc mua lại trái phiếu do Techcombank phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

(b) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên ba tháng tính từ ngày giao dịch. Khoản tiền này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 11% một năm (2009: từ 8,5% đến 9,8%).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-	2.446	341	9.098	-	11.885
Tăng trong năm	56.796	-	2.549	1.723	9.735	70.803
Thanh lý	-	-	-	(16)	-	(16)
Phân bổ trong năm	-	(45)	(2.687)	(8.164)	(1.005)	(11.901)
Số dư cuối năm	56.796	2.401	203	2.641	8.730	70.771

Công ty

	Chi phí vay
	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	9.735
Phân bổ trong năm	(1.005)
Số dư cuối năm	8.730

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	55	-	-
Chiết khấu hàng bán trích trước	12.841	7.858	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại trích trước	20.037	8.651	-	-
Chi phí vận chuyển trích trước	6.328	4.229	-	-
Chi phí phải trích trước	2.094	710	-	-
Lỗi tính thuế mang sang	4.737	3.917	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.117	-	-	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.154	25.420	-	-
Nợ thuế thu nhập hoãn lại:				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	-	-
Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các năm sau:				
Năm hết hiệu lực		Tình hình quyết toán		Số lỗi được khấu trừ
				Triệu VNĐ
2014		Chưa quyết toán		15.662
2015		Chưa quyết toán		3.284
				18.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (TIẾP TỤC)

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí trích trước khác	205	-	-	-
Lỗi tính thuế	7.150	7.834	893	7.019
	7.355	7.834	893	7.019

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/ cuối năm	5.954
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.786
Phân bổ trong năm	596
Số dư cuối năm	2.382
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.168
Số dư cuối năm	3.572

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn					
Khoản vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	320.893	69.050	-	-
Khoản vay 2	(b)	69.546	19.599	-	-
Khoản vay 3	(c)	167.357	269.806	-	-
Khoản vay 4	(d)	45.693	33.086	-	-
Khoản vay 5	(e)	-	68.749	-	-
Khoản vay 6	(f)	9.122	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng HSBC					
Khoản vay 1	(g)	1.731	12.468	-	-
Khoản vay 2	(h)	32.111	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank					
Khoản vay 1	(i)	18.576	24.507	-	-
Khoản vay 2	(j)	143.340	166.450	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng ANZ	(k)	31.603	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng Sacombank	(l)	9.672	-	-	-
Khoản vay từ cá nhân	(m)	-	466	-	-
Khoản vay từ bên bán chính	(n)	28.980	-	-	-
Khoản vay từ công ty mẹ	(o)	205.679	-	-	-
		1.084.303	664.181	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)		40.371	23.079	-	-
		1.124.674	687.260	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San và được đảm bảo bằng các khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vào các công ty con, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan, Công ty Cổ phần Ma San PQ và Công ty Cổ phần Ma San HD.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,75% đến 7,00% (2009: 6,44% đến 8,81%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 13,00% (2009: 6,00% đến 11,28%).

- b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,30% đến 7,00% (2009: 4,73% đến 7,00%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 11,00% đến 15,00% (2009: 7,62% đến 12,56%).

- c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 400 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 32.742 triệu VNĐ (31/12/2009: 33.591 triệu VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.380 triệu VNĐ (31/12/2009: 14.725 triệu VNĐ).

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 3,30% đến 6,50% (2009: 3,30% đến 8,0%). Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 15,80% (2009: 6,00% đến 12,00%).

- d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.971 triệu VNĐ (31/12/2009: 34.027 triệu VNĐ).

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,00% đến 6,50% (2009: 3,00% đến 7,00%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 12,5%.

- e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD với hạn mức tối đa là 80 tỷ VNĐ. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 12,00% trong năm 2009. Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.

- f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San PQ với hạn mức tối đa là 10 tỷ VNĐ và không được đảm bảo. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 13,80% (2009: Không).

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 20.000 triệu VNĐ và 10.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 31.049 triệu VNĐ và 1.102 triệu VNĐ). Khoản vay này cũng được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,25% đến 5,25% (2009: 4,27% đến 8,24%).

- h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan với hạn mức tối đa 6.000.000 Đô la Mỹ và được bảo đảm bởi hàng tồn kho và khoản phải thu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị là 5.000.000 Đô la Mỹ.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,06% đến 5,25%.

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,25% đến 12,50%.

- i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến với hạn mức tối đa là 108.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.672 triệu VNĐ (31/12/2009: 15.346 triệu VNĐ), quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.397 triệu VNĐ (31/12/2009: 4.516 triệu VNĐ) và khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị ghi sổ tương đương không VNĐ (31/12/2009: 152.329 VNĐ). Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 14,26% (2009: 6,15% đến 12,92%).

- j) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 200.000 triệu VNĐ và được đảm bảo bằng khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị tương đương 498.100 triệu VNĐ (31/12/2009: 441.927 triệu VNĐ). Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 14,50% (2009: 6,00% đến 6,05%).

- k) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 10 triệu Đô la Mỹ hoặc có giá trị tương đương bằng VNĐ và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này còn được bảo đảm bởi hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị ghi sổ là 10.000.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 14,50% (2009: Không).

- l) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 200 tỷ VNĐ hoặc có giá trị tương đương bằng Đô la Mỹ và không được đảm bảo. Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm là 6,00% (2009: Không).

- m) Khoản vay này không được đảm bảo và không chịu lãi suất vay từ Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.

- n) Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 0% đến 15%.

- o) Vào ngày 1 tháng 12 năm 2010, NPV tham gia ký kết một thỏa thuận với công ty mẹ của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Ma San, cho một khoản tín dụng có giá trị là 15 triệu Đô la Mỹ để tài trợ cho việc giải tỏa, bồi thường và di dời. Khoản vay này không được đảm bảo và trong năm chịu lãi suất năm là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.132	56.359	5	5
Thuế giá trị gia tăng	25.378	19.834	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.292	739	-	-
Thuế khác	22.040	485	1.355	80
	152.842	77.417	1.360	85

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	192.374	78.463	-	-
Lãi vay phải trả	146.578	13.650	141.569	13.650
Chiết khấu hàng bán	51.362	31.432	-	-
Chi phí vận chuyển	25.516	16.914	-	-
Thưởng và lương tháng 13	18.163	4.196	712	-
Phí tư vấn	18.326	-	18.326	-
Thuế nhà thầu	15.367	1.437	14.805	1.437
Chi phí khác	35.152	17.498	255	882
	502.838	163.590	175.667	15.969

19. PHẢI TRẢ KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải trả khác trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty chủ yếu bao gồm khoản phải trả liên quan đến việc mua trái phiếu Techcombank với số tiền là 982.648 triệu VNĐ.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Vay dài hạn					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	14.000	19.600	-	-
Khoản vay 2	(b)	1.073	1.381	-	-
Khoản vay 3	(c)	28.000	12.009	-	-
Khoản vay 4	(d)	6.750	7.733	-	-
Khoản vay 5	(e)	12.393	15.033	-	-
Khoản vay 6	(f)	86.337	-	-	-
Khoản vay 7	(g)	60.763	5.815	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB					
Khoản vay 1	(h)	5.616	7.751	-	-
Khoản vay 2	(h)	7.301	8.638	-	-
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại Dương					
Hối phiếu nhận nợ (thuyết minh số 4)	(j)	2.855.764	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho TPG	(k)	630.000	630.000	630.000	630.000
Nợ chuyển đổi phát hành cho International Finance Corporation					
Nợ chuyển đổi phát hành cho Jade Dragon (Mauritius) Limited	(m)	567.960	-	567.960	-
		5.035.957	751.358	1.957.960	630.000
Nợ thuê tài chính					
	(n)	4.974	6.444	-	-
		5.040.931	757.802	1.957.960	630.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hoàn trả trong vòng 12 tháng					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	(5.600)	(5.600)	-	-
Khoản vay 2	(b)	(429)	(395)	-	-
Khoản vay 3	(c)	(7.000)	-	-	-
Khoản vay 4	(d)	(1.800)	-	-	-
Khoản vay 5	(e)	(3.520)	(2.640)	-	-
Khoản vay 7	(g)	(15.191)	-	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB	(h)	(4.895)	(4.504)	-	-
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại Dương	(i)	-	(8.137)	-	-
Nợ thuê tài chính	(n)	(1.936)	(1.803)	-	-
		(40.371)	(23.079)	-	-
		5.000.560	734.723	1.957.960	630.000

(a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 16.112 triệu VNĐ (31/12/2009: 23.067 triệu VNĐ). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: từ 10,5% đến 12%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 2.800 triệu VNĐ.

(b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 55.000 Đô la Mỹ (31/12/2009: 77.000 Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 9.170 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.594 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bằng với lãi suất Libor 6 tháng cộng 2,50% (2010: 7,00% và 2009: từ 4,00% đến 5,70% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 11.000 Đô la Mỹ.

(c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 63.266 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 190 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 12,00% (2009: 6,50%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 1.750 triệu VNĐ.

20.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 14.286 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 45.350 triệu VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: 6,50%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 15 kỳ ba tháng, mỗi kỳ trả 450 triệu VNĐ.

(e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.899 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 17,6 tỷ VNĐ và chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: 6,70%). Khoản vay này được hoàn trả trong 13 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 880 triệu VNĐ và đợt cuối cùng gồm số dư còn lại được trả vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.

(f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 46.981 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 310 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,80% đến 14,90%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản vay này chưa được giải ngân hết và chưa có lịch trả nợ.

(g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 163 tỷ VNĐ.

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 12% (2009: 10,5%) và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 5.727 triệu VNĐ.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm là 6,8% và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 766.568 Đô la Mỹ được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 95.821 Đô la Mỹ.

(h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và được bảo đảm bằng nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.803 triệu VNĐ (31/12/2009: 5.084 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.720 triệu VNĐ (31/12/2009: 2.795 triệu VNĐ). Các khoản vay này bao gồm:

Khoản vay 1 được cấp với hạn mức tối đa là 720.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm bằng với lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,90% (2010: 7,00% đến 7,60%; 2009: 6,00% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 288.000 Đô la Mỹ (2009: 432.000 Đô la Mỹ) được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 72.000 Đô la Mỹ.

Khoản vay 2 được cấp với hạn mức tối đa là 600.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm 7,60% (2009: 7,60%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương đương là 374.424 Đô la Mỹ (2009: 481.460 Đô la Mỹ) và được hoàn trả trong 6 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 53.520 Đô la Mỹ và đợt cuối gồm số dư còn lại được trả vào ngày 16 tháng 9 năm 2013.

(i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Trong năm 2009, khoản vay này chịu lãi suất năm là 10,50%. Khoản vay này được trả đủ vào ngày 8 tháng 11 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(j) Hối phiếu nhận nợ được trả cho bên bán chính vào ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 237.980 triệu VNĐ và 2.617.784 triệu VNĐ. Hối phiếu nhận nợ này được phát hành dùng để mua NPV (thuyết minh số 4).

(k) Trái phiếu phải trả dài hạn phát hành cho TPG bao gồm (i) ba trái phiếu có thể chuyển đổi, với mệnh giá là 180 tỷ VNĐ trên mỗi trái phiếu, được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (được gọi chung là “TPG”); và (ii) trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90 tỷ VNĐ được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

(i) Lãi suất là 15% một năm, cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Lãi vay không được hoàn trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này hết hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.

(ii) Trái phiếu được đảm bảo bằng 4.410.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San được sở hữu bởi Công ty.

(iii) Trái phiếu này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày hết hạn của trái phiếu theo quyền chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu phổ thông được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời hạn liên tục 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi đó.

(iv) Giá chuyển đổi được xác định là 20.374 VNĐ trên mỗi cổ phiếu và giá trị sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn.

(v) Khi công ty phát hành thêm quyền mua cổ phiếu phổ thông, trái chủ được đảm bảo được hưởng các quyền lợi và điều kiện như những người được nhận các quyền này. Nếu điều này không thực hiện được, trái chủ sẽ được trả một khoản tiền tương đương với giá trị hợp lý của những quyền đó.

(l) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi, với nợ gốc là 760 tỷ VNĐ được ký với International Finance Corporation (“IFC”), trong đó 190 tỷ VNĐ được chuyển đổi thành Cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

(i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần không được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này hết hạn ngày 15 tháng 6 năm 2016.

20.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190 tỷ VNĐ, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần bảo đảm vẫn tiếp tục trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên.

(iii) Giá chuyển đổi được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn và sẽ được điều chỉnh cho bất kỳ sự suy giảm nào mà đã được nêu trong hợp đồng thỏa thuận và phụ thuộc vào xác nhận của một đại diện độc lập về việc tính toán này.

(iv) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh cho khoản vay này. Khoản vay này được đảm bảo bởi 2.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

(m) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi bằng đô la Mỹ với nợ gốc tương đương là 567.960 triệu VNĐ.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

(i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại là 4% một năm cho từng phần. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này hết hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được cộng dồn theo năm.

(ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày hết hạn của khoản vay.

(iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VNĐ cho mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(n) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2010			31/12/2009		
	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	2.085	149	1.936	2.120	317	1.803
Từ hai đến năm năm	3.278	240	3.038	5.042	401	4.641
	5.363	389	4.974	7.162	718	6.444

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ là 213.888 Đô la Mỹ, tương đương 4.170 triệu VNĐ (31/12/2009: 299.444 Đô la Mỹ tương đương 5.372 triệu VNĐ).

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính trình bày trong Thuyết minh 9.

Trong năm, Tập đoàn và Công ty đã tuân thủ theo các điều khoản liên quan đến các khoản vay trên.

21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn	Công ty
	2010	2010
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	1.895	-
Trích lập dự phòng trong năm	4.228	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.571)	-
Số dư cuối năm	4.552	-

21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC (TIẾP THEO)

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 1.599 triệu VNĐ (2009: 1.472 triệu VNĐ) và Công ty đã đóng 23 triệu VNĐ (2009: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất.

22. VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.166.136	-	1.421.817

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

22.VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN (TIẾP THEO)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Ảnh hưởng của việc tách cổ phiếu	-	-	2.880.000	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu của Techcombank	-	-	249.979.671	2.499.797
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	-	-	181.880.248	1.818.802
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	29.872.449	298.725	50.339.901	503.399
Số dư cuối năm	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998

23.VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành sau khi mua tài sản liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua.

	Ngày phát hành	Số lượng cổ phiếu
Mua thêm 16% lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Ngày 24 tháng 6 năm 2014	88.411.350
Mua 15% lợi ích kinh tế của NPV	Ngày 15 tháng 10 năm 2012	22.629.310
Mua 13.500.000 trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Techcombank	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	32.538.500

24.TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	5.689.209	4.070.481	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	289	7.666	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(103.211)	(119.391)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại và dự phòng	-	(942)	-	-
	5.586.287	3.957.814	-	-

25.GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	3.186.842	2.545.057	-	-
▪ Thanh lý trực in	-	668	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.775	38.151	-	-
	3.194.617	2.583.876	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Doanh thu lãi vay từ:				
Tiền gửi	239.657	29.628	115.584	14.251
Cho các cá nhân vay	7.055	8.063	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt vay	7.438	34.750	-	-
Khoản đầu tư vào trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành	-	1.474	-	-
Cho công ty con vay	-	-	19.080	-
Cho công ty mẹ vay	103.255	19.656	103.255	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.029	2.846	17.524	30
Thu từ bán cổ phiếu	-	53.454	-	-
Bất lợi thương mại (Thuyết minh số 4)	1.239.714	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.771	10.421	-	212.680
	1.620.919	160.292	255.443	226.961

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả cho:				
Ngân hàng	92.918	43.279	-	-
Trái chủ	140.711	13.651	140.711	13.651
Công ty con	-	-	6.923	-
Công ty mẹ	-	1.957	-	-
Các cá nhân	-	30.089	-	30.089
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	29.781	14.154	15.687	-
Chi phí tài chính khác	6.867	-	5.694	-
	270.277	103.130	169.015	43.740

28. THU NHẬP KHÁC

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.394	229	-	-
Thu từ bán phế liệu	9.639	11.838	-	-
Thu khác	6.337	6.565	-	4.447
	19.370	18.632	-	4.447

29. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	3.925	84	-	-
Giá bán phế liệu	3.649	9.876	-	-
Phạt thuế	1.897	7.068	-	-
Chi phí khác	1.691	5.750	-	-
	11.162	22.778	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

30. LỢI NHUẬN TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tập đoàn		Công ty	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận từ công ty liên kết	414.551	132.661	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(253.953)	(84.651)	-	-
	160.598	48.010	-	-

31. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện tại	140.060	73.130	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	578	-	-	-
	140.638	73.130	-	-
Thu nhập thuế hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(22.914)	(15.805)	-	-
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(820)	(3.917)	-	-
	(23.734)	(19.722)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	116.904	53.408	-	-

31. THUẾ THU NHẬP (TIẾP THEO)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn	2010		2009	
	%	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		2.746.121		732.926
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	686.531	25,00%	183.232
Ưu đãi thuế	-	-	(0,04%)	(279)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8,48%)	(232.757)	(17,56%)	(128.724)
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn đối với thu nhập và chi phí khác của các công ty con	-	-	(0,08%)	(608)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,49%	13.314	0,54%	3.956
Thu nhập không bị tính thuế	(12,75%)	(350.078)	(1,64%)	(12.003)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	0,20%	5.442	1,07%	7.834
Lỗ tính thuế được sử dụng trước đây chưa ghi nhận	(0,22%)	(6.126)	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,02%	578	-	-
	4,26%	116.904	7,29%	53.408

Thu nhập không bị tính thuế phản ánh các ảnh hưởng của thuế về khoản bất lợi thương mại và lợi nhuận được chia từ công ty liên kết.

Công ty

	2010		2009	
	%	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		24.137		175.547
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	6.034	25,00%	43.887
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,38%	92	1,29%	2.264
Thu nhập không bị tính thuế	-	-	(30,29%)	(53.170)
Lỗ tính thuế được sử dụng trước đây chưa được ghi nhận	(25,38%)	(6.126)	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	-	4,00%	7.019
	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

31. THUẾ THU NHẬP (TIẾP THEO)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác.

Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

32.LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 2.283.039 triệu VNĐ (2009: 416.574 triệu VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm là 492.546.102 cổ phiếu (2009: 155.608.815 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.283.039	416.574

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2010	2009
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	485.399.820	3.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	7.146.282	152.408.815
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	492.546.102	155.608.815

32.LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại thời điểm đầu năm 2009 đã được điều chỉnh để phản ánh phần chia cổ phần theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 11 tháng 7 năm 2009.

Nhằm mục đích so sánh, số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu giả định được phát hành bởi Công ty theo cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm phát sinh từ các trái phiếu chuyển đổi và các thỏa thuận phát hành cổ phiếu trong tương lai.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	2.283.039	416.574
Chi phí lãi vay của trái phiếu có thể chuyển đổi, sau thuế	-	11.316
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	2.283.039	427.890

Lợi nhuận thuần suy giảm phân bổ cho các cổ đông có bao gồm cả lãi và các chi phí liên quan của công cụ suy giảm tiềm năng, thu nhập lãi có liên quan và thu nhà thầu nước ngoài từ công ty mẹ.

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền (suy giảm)

	2010	2009
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	492.546.102	155.608.815
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu và phát hành cổ phiếu từ công cụ vốn chủ sở hữu	45.466.420	4.320.648
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	538.012.522	159.929.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

33. THỦ LAO BẰNG CỔ PHIẾU

Một số nhân viên và thành viên Ban giám đốc được cấp cho quyền mua cổ phiếu của một công ty con bằng mệnh giá, quyền này sẽ được chấm dứt nếu nhân viên thôi việc. Các quyền mua cổ phiếu này được thực hiện hàng tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số cổ phiếu của công ty con được phát hành cho công sức đóng góp như sau:

	2010	2009
Nhân viên và các thành viên chủ chốt	932.779	1.067.998
Thành viên Ban Giám đốc của công ty con (trừ nhân viên và các thành viên)	99.066	60.625

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế được chia sẻ bởi công ty mẹ	106.472	-
	Lãi và các khoản nợ vay được hoàn trả bởi công ty mẹ	-	76.370
	Mua dịch vụ	540	-
	Bán hàng hóa	44	-
	Cho công ty mẹ vay	806.200	58.543
	Thu nhập lãi từ các khoản vay và chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	10.012	-
	Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ	-	400.000

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần CNTT & Viễn thông Ma San	Phí bảo trì Mua máy tính	4.115 468	915 4.390
Công ty Bất động sản Ma San	Phí dịch vụ Xây dựng Doanh thu cho thuê	3.754 6.321 103	16.198 - -
Thành viên Hội đồng Quản trị	Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị Khoản vay phải thu và chi phí lãi vay Vốn góp	1.339 - 20.000	161 930.089 1.030.134

Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế được chia sẻ bởi công ty mẹ Lãi và các khoản nợ vay được hoàn trả bởi công ty mẹ Cho công ty mẹ vay Thu nhập lãi từ các khoản cho vay và chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ	106.472 - 806.200 10.012 -	- 76.370 58.543 - 400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2010	2009
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con	806.200	-
	Chi phí lãi vay	6.923	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Cho công ty con vay	447.381	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	19.080	-
Thành viên Hội đồng Quản trị			
	Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị	1.339	161
	Khoản vay nhận được và chi phí lãi vay	-	930.089
	Vốn góp	20.000	1.030.134

35. CÁC CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	78.881	206.904	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	639.581	428.947	-	-
	718.462	635.851	-	-

35. CÁC CAM KẾT (TIẾP THEO)

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Trong vòng một năm	36.057	32.513	1.570	-
Từ hai đến năm năm	49.274	71.838	870	-
Trên năm năm	35.653	26.584	-	-
	120.984	130.935	2.440	-

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011 Đại hội cổ đông của công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San đã quyết định đổi tên công ty thành Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma san. Đại hội cổ đông cũng quyết định tái cấu trúc Tập đoàn và các công ty con của công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bằng việc thành lập một công ty con mới được sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San và Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San sẽ chuyển giao các khoản đầu tư trong các công ty con hiện tại cho công ty con mới này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty và Tập đoàn có tài sản tiền tệ bằng ngoại tệ gốc có giá trị tương đương lần lượt là 27,86 triệu Đô la Mỹ và 28,36 triệu Đô la Mỹ và nợ tiền tệ bằng ngoại tệ gốc có giá trị tương đương lần lượt là 30,75 triệu Đô la Mỹ và 36,80 triệu Đô la Mỹ, dẫn đến khoản nợ tiền tệ thuần tương đương lần lượt là 2,89 triệu Đô la Mỹ và 8,44 triệu Đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, tỷ giá hối đoái của Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ bị giảm 9,3% từ 18.932 VNĐ đổi 1 Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thành 20.693 VNĐ đổi 1 Đô la Mỹ. Sự giảm giá trọng yếu của Đồng Việt Nam có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và Công ty. Ban Giám đốc tin rằng họ đã thiết lập một quy trình quản lý hiệu quả cho việc gia tăng về chi phí trên.

Xem thuyết minh 4 và 12 cho các sự kiện phát sinh sau niên độ khác.

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San được thành lập vào tháng 11 năm 2004 dưới tên là Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (tên tiếng Anh là Masan Group Corporation) vào tháng 8 năm 2009, và đã niêm yết thành công tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM ngày 5 tháng 11 năm 2009. Dù Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San chính thức thành lập vào năm 2004 nhưng tính đến việc thiết lập công ty của các cổ đông lớn và sự hình thành của những công ty con và các công ty tiền nhiệm của chúng tôi thì Masan Group đã hoạt động được hơn 15 năm.

Chúng tôi là công ty mẹ giữ c ần phần đa số ở Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (Masan Consumer) và Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (Masan Resources) với lợi ích kinh tế tương ứng là 86,6% và 80,0% vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Sau khi Mount Kellet hoàn thành việc đầu tư vào quý 1 năm 2011 thì tỉ lệ sở hữu của chúng tôi trong Masan Resources còn lại 65,0%. Tuy nhiên, nếu tính đến quyền chọn mua kỳ hạn 3 năm đối với cổ phần Masan Resources từ Dragon Capital, tỷ lệ sở hữu của chúng tôi trong Masan Resources vẫn là 80,0%. Chúng tôi cũng nắm giữ lợi ích kinh tế tại Techcombank dưới dạng cổ phiếu và trái phiếu bắt buộc chuyển đổi là 28,94% và vừa tăng lên 30,84%.

Tính đến ngày 31/12/2010, Masan Group có tổng cộng 5.284 nhân viên, bao gồm nhân viên của Masan Consumer, Masan Resources và Masan Group.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu tổ chức

Chấp thuận	Đại hội đồng cổ đông	
Giám sát và Phê duyệt	Hội đồng Quản trị	Ban Kiểm soát
Quản trị chiến lược	Ban Điều hành	
Thực thi	<ul style="list-style-type: none">Tổng giám đốc Điều hànhPhó tổng giám đốc Điều hànhPhó giám đốc Tài chínhKế toán trưởng	
Thực thi	Phát triển Kinh doanh	Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu ra để điều hành hoạt động của Masan Group. Các thành viên Hội đồng Quản trị họp định kỳ để thảo luận về các quyết định chiến lược do Ban Điều hành đệ trình. Chi tiết về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được trình bày trong phần Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để đảm bảo việc tuân thủ với Điều lệ công ty và các chính sách nội bộ khác.

Ban Điều hành

Trách nhiệm chính của Ban Điều hành bao gồm quản trị chiến lược, phân bổ nguồn lực ở cấp quản lý cao cấp, theo dõi và kiểm soát tài chính kế toán, quản lý vốn, quản trị doanh nghiệp, và kiểm soát nội bộ.

Bộ phận Phát triển Kinh doanh

Các chuyên viên bộ phận Phát triển Kinh doanh có trách nhiệm thực hiện giao dịch, phân tích hoạt động kinh doanh và quản lý các công ty con.

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo tài chính, tuân thủ luật pháp và quản lý các công việc hành chính hàng ngày trong công ty. Những vị trí quản lý cấp cao từ bộ phận Tài chính & Kế toán và Pháp lý giữ vai trò quan trọng trong việc thực thi các giao dịch và theo dõi những giao dịch sau đầu tư.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có hai thành viên điều hành và bốn thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị được tổ chức bởi Chủ tịch là thành viên độc lập. Vai trò của Chủ tịch và Tổng giám đốc Điều hành là tách biệt. Trong năm qua, không có thay đổi trong cơ cấu của Hội đồng Quản trị.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch;
- Ông Hồ Hùng Anh, Phó chủ tịch;
- Ông Madhur Maini, Thành viên;
- Ông Nguyễn Thiều Nam, Thành viên;
- Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên;
- Ông Lars Kjaer, Thành viên.

Chủ tịch đóng vai trò lãnh đạo quan trọng và tham gia:

- Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đóng vai trò lãnh đạo hiệu quả;
- Duy trì đối thoại với Tổng giám đốc Điều hành và chỉ đạo chiến lược phù hợp;
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Là đại sứ cho Masan Group, bao gồm chủ trì Đại hội cổ đông và xử lý các vấn đề liên quan đến chính quyền và giữ quan hệ với những cổ đông lớn.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm vạch ra phương hướng, chiến lược và mục tiêu tài chính của Masan Group, và giám sát tiến triển của những vấn đề này. Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban của mình.

Các thành viên không điều hành thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành của Masan Group để nắm được diễn biến và hiệu quả hoạt động.

Họp Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên họp để thảo luận về phương hướng, chiến lược và tiến độ phát triển kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường, các chủ đề tại cuộc họp Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Báo cáo về những dự án lớn và những vấn đề của hoạt động kinh doanh hiện tại;
- Báo cáo về kết quả kinh doanh;
- Trình bày những dự án kinh doanh cụ thể;
- Các vấn đề của các cuộc họp trước và những vấn đề còn tồn đọng.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị thường xuyên gặp gỡ để thảo luận và thông qua những vấn đề sau:

- Mua lại dự án Núi Pháo thông qua Masan Resources và tái cấu trúc các công ty sau khi mua lại, bao gồm việc mua lại Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San (Masan Horizon), cổ đông lớn của Masan Resources;
- Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư dưới hình thức phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư theo nghị quyết của Đại hội cổ đông vào tháng 4 năm 2010;
- Huy động vốn;
- Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho nhân viên (ESOP) được Đại hội cổ đông thông qua vào tháng 4 năm 2010;
- Tái cấu trúc và tăng tỉ lệ sở hữu của Masan Group ở các công ty con và công ty liên kết;
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và lên dự toán ngân sách.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị cũng đã bổ nhiệm Phó giám đốc Tài chính mới, thay thế Giám đốc Tài chính trước đây.

Trong năm qua không có cuộc họp riêng biệt nào dành cho các thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị gồm tất cả các thành viên tham gia.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm thực thi kế hoạch phát triển kinh doanh của Masan Group và báo cáo kết quả kinh doanh. Tổng giám đốc Điều hành lãnh đạo Ban Điều hành.

Hiện nay, Ban Điều hành gồm có 2 thành viên điều hành cao cấp của Masan Group, Tổng Giám đốc Điều hành và Phó tổng giám đốc Điều hành và 2 thành viên có vị trí cao nhất trong bộ phận Tài chính, Kế toán. Vào tháng 12 năm 2010, Giám đốc Tài chính trước đây đã rút khỏi Ban Điều hành và Phó giám đốc Tài chính được bổ nhiệm. Thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Ông Madhur Maini, Tổng giám đốc Điều hành;
- Ông Nguyễn Thiều Nam, Phó tổng giám đốc Điều hành;
- Ông Eric Chan Hong Wai, Phó giám đốc Tài chính;
- Bà Tạ Thị Thùy Trang, Kế toán trưởng.

Thông tin lý lịch của Ban Điều hành được cung cấp trong phần Đội ngũ Quản lý của Masan Group, riêng thông tin lý lịch của Tổng giám đốc Điều hành ở trong phần Tầm nhìn và Chiến lược.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát bao gồm các thành viên sau đây:

- Ông Nguyễn Quỳnh Lâm, Trưởng Ban Kiểm soát. Ông Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệp trong các vị trí quản lý và kế toán. Trước đây, ông làm việc cho Công ty cổ phần Đa My và Công ty Thương mại La Giang. Ông tốt nghiệp Đại học Mở Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.
- Bà Nguyễn Thu Hiền, Thành viên. Bà Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệp trong ngành tài chính – ngân hàng. Trước đây, bà làm việc cho Incombank (hiện nay là VietinBank) và Masan Consumer. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Baku, Liên Xô (cũ).
- Ông Đặng Ngọc Cả, Thành viên. Vui lòng xem thông tin trong phần Đội ngũ quản lý của Masan Group.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ điều lệ của công ty, các quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group và pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, Ban Kiểm soát tham gia vào các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông.

QUY CHẾ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NỘI BỘ

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group đã được phê duyệt bởi Đại hội cổ đông tổ chức ngày 09 tháng 10 năm 2009. Mục tiêu của Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ là:

- Đảm bảo một kế hoạch quản trị doanh nghiệp hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đảm bảo quyền bình đẳng cho các bên liên quan;
- Nâng cao tính minh bạch;
- Giám sát hiệu quả của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị, thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và thành viên Ban Kiểm soát.

Chín trên tổng số mười một thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được đào tạo chuyên môn liên quan đến quản trị doanh nghiệp.

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Masan Group đang xây dựng các chính sách về thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao của Ban Điều hành bao gồm một khoản cố định và một khoản biến đổi.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Trong năm 2010, Masan Group đã tăng vốn điều lệ từ 4.854 tỉ đồng lên 5.153 tỉ đồng thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu và chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động. Tính đến ngày 31/12/2010, tổng số cổ phần Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 107.024.122, chiếm 20,7704% tổng số cổ phần phát hành.

	Ngày 31/12/2010		Ngày 31/12/2009	
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Cổ đông lớn				
Công ty Cổ phần Ma San	250.421.247	48,5998%	250.421.247	51,5907%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hường Dương	99.817.804	19,3719%	99.817.804	20,5640%
BI Private Equity New Markets II K/S (BankInvest)	54.684.328	10,6127%	54.684.328	11,2658%
Vốn Nhà nước	0	0,0000%	0	0,0000%
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Đăng Quang	10	0,0000%	10	0,0000%
Hồ Hùng Anh	21.768.269	4,2246%	21.768.269	4,4846%
Cổ đông nước ngoài lớn				
BI Private Equity New Markets II K/S (BankInvest)	54.684.328	10,6127%	54.684.328	11,2658%

Công ty Cổ phần Ma San

Công ty Cổ phần Ma San (Masan Corporation) được thành lập vào ngày 13 tháng 9 năm 2000. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, quản lý và tư vấn chuyển giao công nghệ, thành lập và quản lý các dự án đầu tư, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Hoa Hường Dương

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Hoa Hường Dương được thành lập vào ngày 10 tháng 8 năm 2009. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm Xây dựng công trình dân dụng; Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, khai khoáng; Đại lý ký gởi hàng hóa; Nghiên cứu thị trường; Xúc tiến thương mại; Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính).

BI Private Equity New Markets II K/S (BankInvest)

Thông tin về BankInvest được cung cấp ở phần Hồ sơ đối tác của Masan Group. BankInvest tọa lạc tại Phòng 1601, Lầu 16, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam.

Cổ đông sáng lập

Ông Nguyễn Đăng Quang giữ vị trí Chủ tịch và Ông Hồ Hùng Anh là Phó chủ tịch của Masan Group vào ngày 31/12/2010. Vào ngày lập báo cáo, cả hai đều giữ nguyên chức vụ.

Cổ đông nước ngoài lớn

Masan Group chỉ có một cổ đông nước ngoài lớn là BankInvest. Thông tin về BankInvest được cung cấp ở phần Hồ sơ đối tác.

TỶ LỆ SỞ HỮU VÀ SỰ THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2010

	Ngày 31/12/2010	Ngày 31/12/2009	Thay đổi
Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch	0,0000%	0,0000%	0,0000%
Hồ Hùng Anh, Phó chủ tịch	4,2246%	4,4846%	-0,2600%
Madhur Maini, Tổng giám đốc Điều hành	0,1166%	0,1238%	-0,0072%
Nguyễn Thiệu Nam, Phó tổng giám đốc Điều hành	0,4096%	0,0227%	0,3869%
Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên	4,2268%	4,4869%	-0,2601%
Lars Kjaer, Thành viên	0,0000%	0,0000%	0,0000%

THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trong năm qua, có 2 giao dịch cổ phiếu của Masan Group được tiến hành bởi người có liên quan đến cổ đông nội bộ. Bảng dưới đây trình bày thông tin chi tiết các giao dịch.

Ngày giao dịch	Người có liên quan và quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Số cổ phiếu giao dịch
18/08/2010	Nguyễn Thiệu Quang, anh trai của ông Nguyễn Thiệu Nam – Phó tổng giám đốc Điều hành	4.500.000
31/12/2010	Madhur Maini – Tổng giám đốc Điều hành	3.000

Những thay đổi về tỷ lệ sở hữu của các thành viên Hội đồng Quản trị khác không liên quan đến việc giao dịch mua bán hoặc chuyển nhượng.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Ngày 31/12/2010	
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	5.153
Giá cổ phiếu	75.000
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	75.000
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	33.600
Số cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	515.272.269
Số cổ phiếu thường (cổ phiếu)	515.272.269
Số cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu)	0
Số cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Tỷ lệ cổ tức/ thị giá (%)	0
Số trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu)	4
Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	630

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo này chứa thông tin có thể tạo thành những nhận định về tương lai. Nói chung, những từ như “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “ước tính”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ”, “triển vọng”, “có thể”, “tin rằng” và những cụm từ tương tự đều chứa đựng những thông tin dự đoán, mang tính chất tương lai, và hiện không tồn tại. Tuy nhiên, nếu không có những từ này hay cụm từ tương tự thì cũng không có nghĩa là nhận định đó không mang tính kỳ vọng. Tất cả những nhận định đề cập đến hiệu quả hoạt động, sự kiện hay sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự đoán sẽ xảy ra trong tương lai - kể cả báo cáo liên quan đến sự tăng trưởng khối lượng, thị phần và những nhận định bày tỏ quan điểm chung về kết quả hoạt động trong tương lai – đều là những nhận định về kỳ vọng.

Chúng tôi tin rằng những nhận định về tương lai này là hợp lý tại thời điểm báo cáo. Tuy nhiên, người đọc cần thận trọng và không nên phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về kỳ vọng nào như vậy bởi vì những nhận định trên chỉ được đưa ra vào ngày làm báo cáo. Masan Group không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định về kỳ vọng nào, theo kết quả của các thông tin mới, các sự kiện tương lai, trừ khi được yêu cầu bởi pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về kỳ vọng tùy thuộc vào những rủi ro và bất trắc nhất định có thể gây ra kết quả khác biệt đáng kể so với kinh nghiệm trong lịch sử của công ty và những kỳ vọng hoặc dự phóng hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro và sự không chắc chắn bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn những điều được mô tả trong báo cáo này, và những điều xuất hiện trong các báo cáo của chúng tôi nộp cho Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau này.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ / TỪ VIẾT TẮT

ATM	Máy giao dịch ngân hàng tự động ATM
BankInvest	Tập đoàn BankInvest
EBITDA	Thu nhập hoạt động trước Lãi suất, Thuế, và Phân bổ Khấu hao
EIU	Economist Intelligence Unit
HSBC	Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải
House Foods	Tập đoàn House Foods
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
Dragon Capital	Tập đoàn Dragon Capital và các quỹ do Dragon Capital Group quản lý
ESOP	Chương trình Sở hữu Cổ phần dành cho Nhân viên
Mount Kellett	Công ty Quản lý Quỹ Mount Kellett
M&A	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Masan	Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Ma San, bao gồm Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và công ty con của các công ty này

Masan Consumer	Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, được đổi tên từ Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Ma San
Masan Food	Công ty Cổ Phần Thực phẩm Ma San
Masan Group	Công ty Cổ Phần Tập đoàn Ma San
Masan Horizon	Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San
Masan Resources	Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San
Masan Thái Nguyên Resources	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San
MNC	Công ty đa quốc gia
Núi Pháo	Công ty Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, được tái cấu trúc từ Công ty Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo sau thương vụ mua lại dự án Núi Pháo

TPG	Tập đoàn Texas Pacific
ROAA	Thu nhập trên giá trị tài sản trung bình
ROAE	Thu nhập trên giá trị vốn chủ sở hữu trung bình
Techcombank	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam
US\$ hoặc USD	Đô-la Mỹ
VNĐ	Đồng Việt Nam

LIÊN HỆ

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Ma San

Địa chỉ: Lầu 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 8 6256 3862

Fax: (84) 8 3827 4115

Website: www.masangroup.com

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San

Địa chỉ: Lầu 12, Kumho Asiana Plaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 8 6255 5660

Fax: (84) 8 3810 9463

Website: www.masanconsumer.com

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam

Địa chỉ: 72 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 4 3944 6368

Fax: (84) 4 3944 6384

Website: www.techcombank.com.vn

Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San

Địa chỉ: Lầu 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 8 6256 3862

Fax: (84) 8 3827 4115

Website: www.masanresources.com

Trang này chủ ý chừa trắng

Trang này chủ ý chừa trắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn, Quận 1

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 8 6256 3862

Fax: (84) 8 3827 4115

www.masangroup.com